

PHỤ LỤC I

KẾT QUẢ PHẢN ÁNH KHÓ KHĂN, VƯỚNG MẮC DO QUY ĐỊNH PHÁP LUẬT

Tiêu chí: Quy định mâu thuẫn, chồng chéo trong cùng một văn bản quy phạm pháp luật hoặc giữa các văn bản quy phạm pháp luật

Tổ chức phản ánh: Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam

STT	Điều, khoản, điểm, tên văn bản đề xuất xử lý	Nội dung quy định được phản ánh mâu thuẫn, chồng chéo	Phương án xử lý được đề xuất
(1)	(2)	(3)	(4)
1	Điểm c, khoản 2, Điều 64, Nghị định 102/2024/NĐ-CP ngày 30 tháng 7 năm 2024 của Chính Phủ	Tại điểm c, khoản 2, Điều 64, Nghị định 102/2024/NĐ-CP quy định một trong những thành phần hồ sơ xin gia hạn sử dụng đất gồm “Văn bản của cơ quan có thẩm quyền cho phép gia hạn thời hạn hoạt động của dự án đầu tư hoặc thể hiện thời hạn hoạt động của dự án đầu tư theo quy định của pháp luật về đầu tư đối với trường hợp sử dụng đất để thực hiện dự án đầu tư.” Văn bản trên đang được cơ quan quản lý đất đai tại địa phương hiểu là “Quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư, chấp thuận nhà đầu tư”	Đề xuất phương án C. Đề xuất bổ sung quy định bằng văn bản quy phạm pháp luật, cho phép các doanh nghiệp tiếp tục được gia hạn sử dụng đất trong trường hợp không phù hợp với quy hoạch hiện tại, với điều kiện doanh nghiệp lập cam kết tự di chuyển hoặc cải tạo công trình và không đòi bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất. Điều đó cho phép doanh nghiệp tận dụng được giá trị của các tài sản gắn liền với đất, đồng thời không tạo thêm gánh nặng chi phí giải phóng mặt bằng cho Nhà nước khi đến thời điểm Nhà nước cần thu hồi đất để thực hiện quy hoạch.
2	Điểm a, khoản 3, Điều 33, Luật số 61/2020/QH14 Luật Đầu tư do Quốc hội thông qua ngày 17/06/2020	Tại điểm c, khoản 2, Điều 64, Nghị định 102/2024/NĐ-CP quy định một trong những thành phần hồ sơ xin gia hạn sử dụng đất gồm “Văn bản của cơ quan có thẩm quyền cho phép gia hạn thời hạn hoạt động của dự án đầu tư hoặc thể hiện thời hạn hoạt động của dự án đầu tư theo quy định của pháp luật về đầu tư đối với trường hợp sử dụng đất để thực hiện dự án đầu tư.” Văn bản trên đang được cơ quan quản lý đất đai tại địa phương hiểu là “Quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư, chấp thuận nhà đầu tư”	Đề xuất phương án C.
3	Tại khoản 2 Điều 31 Nghị định số 83/2014/NĐ-CP ngày 03/9/2014 của Chính phủ về kinh doanh xăng dầu được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 95/2021/NĐ-CP ngày 01/11/2021 của Chính phủ quy định “Kể từ ngày Nghị định này có hiệu lực, thương nhân phân phối xăng dầu phải bảo đảm ổn định mức dự trữ xăng dầu bắt buộc tối thiểu năm (05) ngày cung ứng, tính theo sản lượng tiêu thụ nội địa bình quân một (01) ngày của năm trước liền kề, cả về cơ cấu chủng loại”.	Tại Điều 30 Nghị định 99/2020/NĐ-CP mới chỉ quy định xử phạt vi phạm hành chính đối với thương nhân sản xuất và thương nhân đầu mối xăng dầu, chưa quy định chế tài xử phạt đối với thương nhân phân phối xăng dầu không đảm bảo ổn định mức dự trữ xăng dầu bắt buộc.	Đề bình đẳng trong kinh doanh xăng dầu và loại các đối tượng không đủ năng lực dự trữ gây tác động xấu đến công tác đảm bảo nguồn xăng dầu cho thị trường. Đề xuất bổ sung chế tài xử phạt vi phạm hành chính đối với thương nhân phân phối thực hiện hành vi không duy trì mức dự trữ xăng dầu bắt buộc hoặc duy trì mức dự trữ xăng dầu thấp hơn mức tối thiểu và không báo cáo hoặc báo cáo không đầy đủ, không chính xác tình hình Xuất – Nhập – Tồn kho xăng dầu theo quy định.

STT	Điều, khoản, điểm, tên văn bản đề xuất xử lý	Nội dung quy định được phản ánh mâu thuẫn, chồng chéo	Phương án xử lý được đề xuất
4	Điểm c, khoản 9, điều 1, Nghị định 70/2025/NĐ-CP về thời điểm ký sổ. Điểm b, khoản 6, điều 1, Nghị định 70/2025/NĐ-CP về thời điểm lập hóa đơn đối với trường hợp cung cấp nhiên liệu hàng không với dữ liệu lớn - “Thời điểm ghi nhận doanh thu là thời điểm chuyển giao quyền sở hữu hàng hóa.”	Thời điểm lập hóa đơn là thời điểm hoàn thành xong công tác đối chiếu dữ liệu giữa các bên tuy nhiên không chậm hơn 07 ngày của tháng sau tháng phát sinh và thời điểm ký sổ muộn nhất là ngày làm việc tiếp theo của thời điểm lập hóa đơn. => Hóa đơn được lập khác kì so với kì bán hàng dẫn đến chênh lệch giữa thời điểm hóa đơn và thời điểm ghi nhận doanh thu	Đề xuất phương án C.
5	* Khoản 7, Điều 3, Nghị định 175/2024/NĐ-CP quy định: 7. Dự án đầu tư xây dựng sử dụng vốn nhà nước ngoài đầu tư công bao gồm: dự án đầu tư xây dựng sử dụng vốn chi thường xuyên ngân sách nhà nước, dự án đầu tư xây dựng của quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách theo Luật Ngân sách nhà nước; dự án sử dụng vốn vay do Chính phủ bảo lãnh theo Luật Quản lý nợ công; dự án đầu tư xây dựng của doanh nghiệp nhà nước theo quy định của Luật Doanh nghiệp, doanh nghiệp do doanh nghiệp nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ; dự án sử dụng vốn nhà nước khác theo quy định pháp luật có liên quan; trừ dự án sử dụng vốn đầu tư công theo quy định của Luật Đầu tư công. * Đồng thời Khoản 1, Điều 2, Nghị định 10/2021/NĐ-CP quy định: Điều 2. Đối tượng áp dụng 1. Nghị định này áp dụng đối với cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến quản lý chi phí đầu tư xây dựng các dự án sử dụng vốn đầu tư công, vốn nhà nước ngoài đầu tư công, dự án PPP.	Như vậy theo quy định tại khoản 7 điều 3 nghị định 175/2024/NĐ-CP, và khoản Khoản 1, Điều 2, Nghị định 10/2021/NĐ-CP các dự án đầu tư xây dựng sử dụng vốn nhà nước ngoài đầu tư công (đối tượng là doanh nghiệp nhà nước doanh nghiệp do doanh nghiệp nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ) phải áp dụng các quy định nghiêm ngặt hơn so với các dự án đầu tư xây dựng sử dụng vốn khác, gây khó khăn cho quá trình tổ chức thực hiện, kéo dài thời gian chuẩn bị, thực hiện đầu tư; mâu thuẫn với điểm b, khoản 1, điều 1 Luật số 90/2025/QH15 quy định bãi bỏ đối tượng áp dụng là Hoạt động lựa chọn nhà thầu để thực hiện các gói thầu thuộc dự án đầu tư của doanh nghiệp nhà nước theo quy định của Luật Doanh nghiệp và doanh nghiệp do doanh nghiệp nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ;	c. Sửa đổi, bổ sung, thay thế, ban hành mới văn bản quy phạm pháp luật (Khoản 7, Điều 3, Nghị định 175/2024/NĐ-CP và Khoản 1, Điều 2, Nghị định 10/2021/NĐ-CP)

STT	Điều, khoản, điểm, tên văn bản đề xuất xử lý	Nội dung quy định được phản ánh mâu thuẫn, chồng chéo	Phương án xử lý được đề xuất
6	Khoản 2 Điều 36, Nghị định 10/2021/NĐ-CP quy định: Điều 36. Quyền và trách nhiệm của người quyết định đầu tư 1. Thực hiện quy định về quyền và trách nhiệm của người quyết định đầu tư tại Điều 72 Luật Xây dựng và khoản 22 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng và thẩm quyền quy định tại Nghị định này và pháp luật khác có liên quan. 2. Quyết định giá gói thầu trong kế hoạch lựa chọn nhà thầu, loại hợp đồng, hình thức hợp đồng.	Khoản 2 Điều 36 Nghị định 10/2021/NĐ-CP Quy định quyền và trách nhiệm của người quyết định đầu tư mâu thuẫn với thẩm quyền của chủ đầu tư được quy định tại Khoản 2, điều 40, Luật Đấu thầu (được sửa đổi bởi điểm b, khoản 22, điều 1, Luật 90/2025/QH15): Thẩm quyền phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu: Chủ đầu tư tổ chức lập và phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu. Đối với gói thầu đấu thầu trước theo quy định tại Điều 42 của Luật này hoặc gói thầu cần thực hiện trước khi có quyết định phê duyệt dự án, trường hợp chưa xác định được chủ đầu tư thì người đứng đầu đơn vị được giao nhiệm vụ chuẩn bị dự án tổ chức lập và phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu.	C. Sửa đổi, bổ sung, thay thế, ban hành mới văn bản
7	TCVN+B17:F21 5307:2009 – Kho dầu mỏ và sản phẩm dầu mỏ - Yêu cầu thiết kế Mục 5.8.1/5.8 quy định: “Nơi đóng rót DM&SPDM vào ô tô xitec phải bố trí đảm bảo đầu xe quay về phía thoát nạn nhanh nhất khi có cháy. Nơi đóng rót có thể có mái che hoặc không có mái che. Mái che phải có bậc chịu lửa ít nhất là bậc II”. C19 QCVN 07-6:2016/BXD -Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia các công trình hạ tầng kỹ thuật – Công trình cấp xăng dầu, khí đốt Mục 1/ 2.2.7/2.2 quy định: “Kết cấu và vật liệu cho khu bán hàng, mái che cột bơm và các hạng mục xây dựng khác của cửa hàng xăng dầu phải có bậc chịu lửa bậc I theo quy định tại QCVN 06:2010/BXD” (nay là QCVN 06:2022/BXD). QCVN 01:2020/BCT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về yêu cầu thiết kế cửa hàng xăng dầu Điểm b, khoản 6, Điều 6 quy định: “Kết cấu và vật liệu cho khu bán hàng và các hạng mục xây dựng khác phải có bậc chịu lửa I, II theo quy định tại QCVN 06:2020/BXD” (hiện nay là QCVN 06:2022/BXD).	Đối với cùng một hạng mục công trình như nhau tuy nhiên lại có các quy định xác định bậc chịu lửa của kết cấu và vật liệu khác nhau dẫn đến cách hiểu và tổ chức hướng dẫn áp dụng chưa thống nhất, do đó tại một số địa phương các cơ quan quản lý gặp khó khăn, lúng túng, có lúc có nơi giải quyết chưa thống nhất trong quá trình thẩm định, thoả thuận về PCCC đối với công tác thiết kế, thi công, nghiệm thu các công trình tại kho và CHXD. Các quy định về giải pháp tăng khả năng chịu lửa đối với cấu kiện, vật liệu còn nhiều hạn chế, yêu cầu về công tác kiểm định, thử nghiệm bậc chịu lửa phải thực hiện nhiều thủ tục, gây khó khăn và làm tăng chi phí, thời gian cho doanh nghiệp. Trong khi quy định dẫn chiếu để xác định bậc chịu lửa của cấu kiện và vật liệu là QCVN 06:2022/BXD lại không áp dụng đối với các đối tượng này.	Đề nghị các Bộ, ngành liên quan tổ chức rà soát, bổ sung quy định thống nhất về bậc chịu lửa đối với kết cấu và vật liệu cho khu vực mái che cột bơm của CHXD, bên xuất của kho xăng dầu, cụ thể là quy định thống nhất bậc chịu lửa bậc II đối với kết cấu và vật liệu cho khu vực mái che cột bơm của CHXD, bên xuất của kho xăng dầu nhằm giúp cơ quan quản lý chuyên ngành tại các địa phương và các doanh nghiệp thực hiện thống nhất trong công tác xây dựng, thẩm định thiết kế về PCCC, nghiệm thu PCCC đối với công trình xăng dầu. Đề nghị quy định cụ thể, hướng dẫn phương pháp xác định bậc chịu lửa, yêu cầu và giải pháp để đảm bảo bậc chịu lửa theo QCVN 06:2022/BXD đối với kết cấu và vật liệu cho khu vực mái che cột bơm của CHXD, bên xuất của kho xăng dầu (như kết cấu thép trên mái che, cột mái che; tấm alumex nhận diện thương hiệu tại cột, diềm mái che; tấm alumex tại trần mái che cột bơm và

STT	Điều, khoản, điểm, tên văn bản đề xuất xử lý	Nội dung quy định được phản ánh mâu thuẫn, chồng chéo	Phương án xử lý được đề xuất
	QCVN 06:2022/BXD – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về an toàn cháy cho nhà và công trình. Mục 1.1.5/1.1 quy định: “Các phần 2, 3, 4, 5 và 6 không áp dụng cho các nhà có công năng đặc biệt (... ; các kho chứa dầu mỏ và sản phẩm dầu mỏ, khí đốt tự nhiên, các loại khí dễ cháy, cũng như các chất tự cháy; cửa hàng kinh doanh xăng dầu, chất lỏng dễ cháy ...)”		bên xuất của kho xăng dầu).
8	QCVN 01:2020/BCT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về yêu cầu thiết kế cửa hàng xăng dầu - Điểm a, khoản 1, Điều 8 quy định: “Bể chứa xăng dầu, đường ống công nghệ trong cửa hàng xăng dầu phải được chế tạo từ vật liệu chịu xăng dầu và không cháy”. Theo nội dung quy định này có thể hiểu là vật liệu chế tạo bể và đường ống công nghệ phải là vật liệu kim loại. - Điểm b, khoản 1, Điều 8 lại quy định: “Đối với bể chứa bằng vật liệu không dẫn điện phải có biện pháp triệt tiêu tĩnh điện khi xuất, nhập xăng dầu”. Theo nội dung quy định này có thể hiểu là vật liệu chế tạo bể và đường ống có thể là vật liệu phi kim loại (vì không dẫn điện).	Từ các quy định nêu trên có thể hiểu là vật liệu chế tạo bể và ống công nghệ tại CHXD cho phép có thể bằng kim loại (ví dụ: bằng thép) hoặc bằng vật liệu phi kim loại (ví dụ: bằng vật liệu nhựa HDPE – High Density Polyethylene có khả năng chịu xăng dầu). Điều này cũng phù hợp với thực tế hiện nay trên thế giới như tại Mỹ, Châu Âu, Nhật Bản, một số nước Đông Nam Á như Singapore, Malaysia, Campuchia, Lào đã sử dụng đường ống công nghệ bằng HDPE (theo tiêu chuẩn EN 14125:2013 của Châu Âu và UL 971 của Mỹ) trong các CHXD, do loại ống bằng vật liệu này có ưu điểm so với ống bằng thép như: giảm thiểu khả năng bị ăn mòn gây rò rỉ xăng dầu, chống tĩnh điện, tuổi thọ cao, công tác lắp đặt thuận tiện. Tuy nhiên, căn cứ tính chất vật lý và khả năng chịu cháy của các loại vật liệu, vật liệu phi kim loại (trong đó có các loại ống nhựa HDPE chịu xăng dầu) khó có khả năng hoàn toàn không cháy (fire proof) mà chỉ có thể chịu cháy (fire resistance) trong một khoảng thời gian nhất định. Ngay cả vật liệu kim loại cũng chỉ có thể chịu cháy trong một khoảng thời gian nhất định, chứ không phải có khả năng hoàn toàn không cháy trong thời gian lâu dài. Do đó, việc quy định yêu cầu “không cháy” như quy định hiện hành có thể sẽ bị hiểu là không cho phép sử dụng loại ống bằng vật liệu phi kim loại, vật liệu nhựa chuyên dụng chịu xăng dầu, làm hạn chế việc cho phép áp dụng công nghệ và các loại vật liệu tiên tiến theo xu hướng hiện nay.	Đề nghị các Bộ, ngành liên quan xem xét chỉnh sửa, bổ sung các thuật ngữ và nội dung quy định tại QCVN 01:2020/BCT nhằm giúp các cơ quan quản lý và doanh nghiệp thống nhất cách hiểu và chấp thuận cho phép sử dụng các loại vật liệu mới đáp ứng yêu cầu đối với bể chứa và đường ống công nghệ tại CHXD. Trong giai đoạn chưa điều chỉnh bổ sung Quy chuẩn, đề nghị có hướng dẫn cho phép sử dụng đường ống công nghệ bằng vật liệu nhựa chịu xăng dầu chuyên dụng, có chứng nhận đảm bảo theo các tiêu chuẩn của các tổ chức quốc tế.

STT	Điều, khoản, điểm, tên văn bản đề xuất xử lý	Nội dung quy định được phản ánh mâu thuẫn, chồng chéo	Phương án xử lý được đề xuất
9	QCVN 01:2020/BCT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về yêu cầu thiết kế cửa hàng xăng dầu Khoản 3, Điều 3 đưa ra giải thích từ ngữ: “Khu bán hàng là nơi bố trí cột bơm xăng dầu và các gian bán hàng (dầu mỡ nhờn, khí dầu mỏ hóa lỏng đóng trong chai...)”. Mục b, khoản 1, Điều 8 quy định: “Không được lắp đặt bể chứa xăng dầu và hồ thao tác trong hoặc dưới các gian bán hàng.”	Từ các nội dung quy định nêu trên của QCVN 01:2020/BCT cho thấy, hạng mục mái che cột bơm không phải là “gian bán hàng” mà là một hạng mục trong “khu bán hàng”. Mái che cột bơm là hạng mục kết cấu che phía trên cột bơm, có không gian hở và thông thoáng, thuận tiện cho các phương tiện ra vào (theo chuẩn thiết kế của tất cả các CHXD trên thế giới và Việt Nam). Do đó, việc lắp đặt bể chứa xăng dầu và hồ thao tác trong khu vực dưới mái che cột bơm là được phép, đúng với tinh thần quy định tại QCVN 01:2020/BCT. Thực tế, tại nhiều CHXD trên thế giới và ở các thành phố lớn tại Việt Nam (Hà Nội, TP. Hồ Chí Minh,...) đã và đang lắp đặt các bể chứa ngầm phía dưới các mái che cột bơm, đặc biệt là tại các CHXD trong nội đô có diện tích hạn chế, nhờ đó tạo điều kiện sử dụng hiệu quả diện tích mặt bằng đất, cho phép dành nhiều diện tích hơn để mở rộng không gian cho các phương tiện vào ra mua xăng dầu, đảm bảo thuận tiện cho hoạt động bán hàng và cấp độ an toàn khi có sự cố. Tuy nhiên, hiện nay do cách hiểu chưa thống nhất đối với các khái niệm “khu bán hàng”, “gian bán hàng” và vị trí cho phép lắp đặt bể chứa xăng dầu và hồ thao tác trong CHXD, một số địa phương không đồng ý cho phép lắp đặt bể chứa xăng dầu và hồ thao tác dưới mái che cột bơm, dẫn đến nhiều khó khăn cho doanh nghiệp trong quá trình phát triển hệ thống CHXD mới phục vụ nhu cầu xăng dầu ngày càng tăng của các tỉnh, thành phố trong cả nước.	Đề nghị các Bộ, ngành liên quan có hướng dẫn chung nhằm giúp các địa phương thống nhất cách hiểu về các khái niệm “khu bán hàng”, “gian bán hàng” và vị trí cho phép lắp đặt bể chứa xăng dầu trong CHXD theo đúng với quy định tại QCVN 01:2020/BCT.

STT	Điều, khoản, điểm, tên văn bản đề xuất xử lý	Nội dung quy định được phản ánh mâu thuẫn, chồng chéo	Phương án xử lý được đề xuất
10	TCVN 3890:2023 Phòng cháy chữa cháy – Phương tiện phòng cháy và chữa cháy cho nhà và công trình – Trang bị, bố trí Mục 5.4.2.1/5.4.2 quy định trang bị, bố trí hệ thống cấp nước chữa cháy ngoài nhà quy định tại Phụ lục C. Mục 25, 26 Bảng C.1, Phụ lục C: Quy định việc trang bị hệ thống cấp nước chữa cháy ngoài nhà đối với Kho DM&SPDM, Cảng xuất nhập DM&SPDM, Cửa hàng xăng dầu, cửa hàng kinh doanh chất lỏng dễ cháy, cơ sở kinh doanh khí đốt.	Đối với các công trình DM&SPDM (Kho, cảng DM&SPDM, khí đốt, CHXD, LPG ...) đã được thiết kế, thẩm duyệt thiết kế, thi công và nghiệm thu về PCCC theo các quy định tại TCVN 5307:2009; TCVN 6223:2017; QCVN 01:2020/BCT ... trong đó đã có các giải pháp, trang thiết bị, phương tiện PCCC bảo đảm yêu cầu chữa cháy khi có sự cố xảy ra. Cụ thể: (1) Đối với Kho, cảng DM&SDM, khí đốt đều được trang bị các hệ thống chữa cháy cố định, bán cố định bằng Foam (máy bơm, lăng, trụ nước, trụ Foam...), nguồn nước đã được tính toán để chữa cháy và làm mát cho đám cháy lớn nhất theo quy định; trang bị xe chữa cháy theo dung tích kho; các trang thiết bị chữa cháy ban đầu (lăng, vòi, bình chữa cháy các loại, chăn chữa cháy...); (2) Đối với CHXD, LPG được trang bị phương tiện chữa cháy các loại (MFZT35, MFZ8, MFZ4, MT3, MT5 ...), chăn chữa cháy... bảo đảm tính sẵn sàng trong xử lý các tình huống cháy, nổ. Nhiều cơ sở nằm ở vùng sâu, vùng xa, vùng có địa hình khó khăn không có trụ nước chữa cháy công cộng và cũng không có nguồn nước ở gần để bố trí trụ nước. Hơn nữa việc trang bị, bố trí các trụ nước chữa cháy ngoài phạm vi công trình phải tuân thủ quy hoạch, mạng lưới bố trí trụ nước công cộng của nhà nước.	Đối với các cơ sở, công trình đã có Quy chuẩn, Tiêu chuẩn kỹ thuật thiết kế về hệ thống, phương tiện PCCC thì không quy định việc trang bị phương tiện PCCC theo TCVN 3890 hoặc đề nghị xem xét điều chỉnh khoảng cách từ cơ sở, công trình đến nguồn nước (ao, hồ, sông, trụ nước ...) từ bán kính 200m lên 2 km để tạo điều kiện cho các cơ sở, công trình nằm ở vị trí xa trung tâm, vùng núi ...; đồng thời, đề nghị các cơ quan chức năng hướng dẫn, quy định cụ thể việc xác định lưu lượng nước của trụ và yêu cầu thiết kế đối với hệ thống cấp nước ngoài nhà đối với từng cơ sở, công trình để thuận tiện trong việc thiết kế, thi công.
11	Mục 8, Bảng F.1. Phụ lục F	Quy định Kho DM&SPDM có dung tích trên 15,000m ³ phải trang bị 03 bộ mặt lạ phòng độc cách ly; Trong khi đó, theo quy định tại Phụ lục III ban hành kèm theo TT 150/2020/TT-BCA quy đã quy định Đội PCCC chuyên ngành (các kho có dung tích từ 15,000m ³ trở lên) phải trang bị nội dung này.	Thống nhất để không quy định chồng chéo cùng một đối tượng trong nhiều văn bản quy phạm pháp luật.

STT	Điều, khoản, điểm, tên văn bản đề xuất xử lý	Nội dung quy định được phản ánh mâu thuẫn, chồng chéo	Phương án xử lý được đề xuất
	Điều 103 Luật Xây dựng 50/2014/QH13 được sửa đổi, bổ sung tại khoản 37 Điều 1 Luật số 62/2020/QH14: “2. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh cấp giấy phép xây dựng đối với công trình thuộc đối tượng có yêu cầu phải cấp giấy phép xây dựng trên địa bàn tỉnh, trừ công trình quy định tại khoản 3 Điều này. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phân cấp, ủy quyền cho Sở Xây dựng, Ban quản lý khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao, khu kinh tế, Ủy ban nhân dân cấp huyện cấp giấy phép xây dựng thuộc chức năng và phạm vi quản lý của cơ quan này. 3. Ủy ban nhân dân cấp huyện cấp giấy phép xây dựng đối với công trình cấp III, cấp IV và nhà ở riêng lẻ trên địa bàn do mình quản lý.”	Đối với các dự án đầu tư xây dựng trong các Khu kinh tế/ Khu công nghiệp, quá trình xin cấp phép xây dựng cho các dự án còn gặp nhiều khó khăn do công tác phối hợp giữa các cơ quan quản lý Nhà nước chưa được liên thông. Để được cấp phép xây dựng, doanh nghiệp/chủ đầu tư phải trực tiếp thực hiện xin các giấy phép (như thẩm duyệt về PCCC, cấp phép môi trường, ...) qua nhiều cấp, nhiều công đoạn (cả địa phương lẫn trung ương) do có nhiều quy định pháp luật cùng hướng dẫn/quy chiếu đến một đối tượng/ nội dung. Vì vậy công tác triển khai các thủ tục xin giấy phép thường phải thực hiện đi, thực hiện lại nhiều lần... Ví dụ: Theo quy định tại Luật Xây dựng, đối với công trình Nhà ăn nghỉ cán bộ công nhân viên (nhà đa năng), quy mô: công trình dân dụng cấp III, thẩm quyền cấp giấy phép xây dựng thuộc UBND thị xã Ninh Hòa, nhưng theo QĐ của UBND tỉnh thì phân cấp cho Ban Quản lý Khu kinh tế Vân Phong thực hiện cấp giấy phép xây dựng thì không đúng với quy định.	Đề xuất phương án C. sửa đổi, bổ sung: Đề nghị Chính phủ chỉ đạo các cơ quan quản lý Nhà nước xem xét, đánh giá và phân cấp rõ ràng hơn giữa các Ban quản lý Khu kinh tế/Khu công nghiệp với các cơ quan, ban ngành, giúp đỡ các doanh nghiệp/chủ đầu tư đẩy nhanh tiến độ thực hiện thủ tục đầu tư xây dựng các dự án
12	Theo quy định tại khoản 1 Điều 5 Quyết định số 05/2021/QĐ-UBND ngày 17/5/2021 của UBND tỉnh được sửa đổi, bổ sung tại Quyết định số 06/2024/QĐ-UBND ngày 08/4/2024 của UBND tỉnh quy định một số nội dung về cấp giấy phép xây dựng trên địa bàn bàn hành kèm theo Quyết định số 05/2021/QĐ-UBND ngày 17 tháng 5 năm 2021 của UBND tỉnh Khánh Hòa: “1. Phân cấp cho Ban Quản lý Khu kinh tế Vân Phong cấp giấy phép xây dựng đối với công trình xây dựng tại điểm b khoản 1 Điều 1 Quy định này và công trình quảng cáo tại Điều 31 Luật Quảng cáo trong Khu kinh tế Vân Phong, khu công nghiệp do mình quản lý”. “2. Ngoài thẩm quyền quy định tại khoản 37 Điều 1 Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng, phân cấp cho Ủy ban nhân dân cấp huyện cấp giấy phép xây dựng đối với công trình quảng cáo tại Điều 31 Luật Quảng cáo trên địa bàn do mình quản lý.”	Đối với các dự án đầu tư xây dựng trong các Khu kinh tế/ Khu công nghiệp, quá trình xin cấp phép xây dựng cho các dự án còn gặp nhiều khó khăn do công tác phối hợp giữa các cơ quan quản lý Nhà nước chưa được liên thông. Để được cấp phép xây dựng, doanh nghiệp/chủ đầu tư phải trực tiếp thực hiện xin các giấy phép (như thẩm duyệt về PCCC, cấp phép môi trường, ...) qua nhiều cấp, nhiều công đoạn (cả địa phương lẫn trung ương) do có nhiều quy định pháp luật cùng hướng dẫn/quy chiếu đến một đối tượng/ nội dung. Vì vậy công tác triển khai các thủ tục xin giấy phép thường phải thực hiện đi, thực hiện lại nhiều lần... Ví dụ: Theo quy định tại Luật Xây dựng, đối với công trình Nhà ăn nghỉ cán bộ công nhân viên (nhà đa năng), quy mô: công trình dân dụng cấp III, thẩm quyền cấp giấy phép xây dựng thuộc UBND thị xã Ninh Hòa, nhưng theo QĐ của UBND tỉnh thì phân cấp cho Ban Quản lý Khu kinh tế Vân Phong thực hiện cấp giấy phép xây dựng thì không đúng với quy định.	Đề xuất phương án C. sửa đổi, bổ sung: Đề nghị Chính phủ chỉ đạo các cơ quan quản lý Nhà nước xem xét, đánh giá và phân cấp rõ ràng hơn giữa các Ban quản lý Khu kinh tế/Khu công nghiệp với các cơ quan, ban ngành, giúp đỡ các doanh nghiệp/chủ đầu tư đẩy nhanh tiến độ thực hiện thủ tục đầu tư xây dựng các dự án

STT	Điều, khoản, điểm, tên văn bản đề xuất xử lý	Nội dung quy định được phản ánh mâu thuẫn, chồng chéo	Phương án xử lý được đề xuất
13	Theo quy định phân cấp công trình tại mục 1.2.4 bảng 1.2 phụ lục I Ban hành kèm theo Thông tư số 06/2021/TT-BXD ngày 30 tháng 6 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng.	Đối với việc phân cấp công trình Kho xăng dầu có dung tích chứa lớn hơn 100 nghìn m3 là cấp đặt biệt. Tuy nhiên có những công trình phụ trợ, công trình xây dựng hạ tầng hoặc cải tạo sửa chữa nhỏ nhằm phục vụ sản xuất kinh doanh của Kho VPT với quy mô rất nhỏ song việc thực hiện các nội dung lập báo cáo kinh tế kỹ thuật, thẩm tra hồ sơ thiết kế và các nội dung liên quan phải tìm các đơn vị đáp ứng hồ sơ năng lực tương đương với phân cấp công trình hiện hữu. Thực tế, trong quá trình triển khai để tìm các đơn vị trên địa bàn tỉnh đáp ứng được điều kiện trên là rất khó, Công ty đã phải tìm các đơn vị ở xa và gặp nhiều khó khăn, kéo dài thời gian, chi phí đi lại để hoàn thành các thủ tục nêu trên, ảnh hưởng không nhỏ tới thời gian thực hiện, cơ hội và hiệu quả đầu tư.	C. Sửa đổi, bổ sung: Điều chỉnh quy định về phân cấp công trình
14	Khoản 2 Điều 25 Nghị định số 83/2014/NĐ-CP (được sửa đổi tại khoản 20 Điều 1 Nghị định số 95/2021/NĐ-CP	Quy định về hồ sơ cấp/cấp đổi Giấy chứng nhận đủ điều kiện bán lẻ xăng dầu không yêu cầu biên bản kiểm tra an toàn PCCC tại thời điểm làm hồ sơ. Trong khi đó, trên thực tế cơ quan chức năng yêu cầu có biên bản kiểm tra PCCC có xác nhận tại thời điểm kiểm tra cơ sở đảm bảo điều kiện an toàn PCCC dù đơn vị đã có biên bản kiểm tra định kỳ theo quy định của Luật PCCC. Gây mâu thuẫn giữa quy định về thủ tục hành chính (Nghị định 83/2014/NĐ-CP) và thực tiễn áp dụng PCCC (Luật PCCC), tạo sự chồng chéo và phát sinh thủ tục không cần thiết.	Đề xuất phương án C
15	Điểm c Khoản 1 Điều 3 Thông tư 19/2023/TT-BTNMT. “Bãi bỏ toàn bộ Thông tư số 43/2014/TT-BTNMT ngày 29/7/2014 quy định về đào tạo nghiệp vụ bảo vệ môi trường trong kinh doanh xăng dầu, khí dầu mỏ hóa lỏng.”	Việc bãi bỏ toàn bộ nội dung Thông tư số 43/2014/TT-BTNMT ngày 29/7/2014 nêu trên gây khó khăn cho Công ty XDKV2 trong việc thực hiện các thủ tục trong quá trình xét cấp Giấy xác nhận đủ điều kiện thương nhân phân phối xăng dầu, tổng đại lý KDXD, đại lý bán lẻ xăng dầu do yêu cầu phải có Chứng chỉ đào tạo nghiệp vụ BVMT trong kinh doanh xăng dầu của các cơ quan quản lý nhà nước như Bộ Nông nghiệp và Môi trường, Bộ Công thương, Sở Nông nghiệp và môi trường, Sở Công thương. Trong khi đó không có văn bản quy định cụ thể rõ ràng cơ quan nhà nước nào có đủ thẩm quyền để cấp Chứng chỉ đào tạo nghiệp vụ BVMT theo quy định tại khoản 5 Điều 40 Nghị định 83/2014/NĐ-CP.	Đề xuất phương án C. Cụ thể là “Giao quyền cho doanh nghiệp kinh doanh xăng dầu được lựa chọn hình thức tổ chức đào tạo, đối tác có chuyên môn đào tạo, đảm bảo khung chương trình, thời lượng đào tạo theo quy định của nhà nước.”

**Bộ, ngành có trách
nhiệm nghiên cứu, xử
lý, tham mưu xử lý**

(5)

Bộ Tài chính
Nông nghiệp và Môi
trường

Bộ Công thương

**Bộ, ngành có trách
nhiệm nghiên cứu, xử
lý, tham mưu xử lý**

Bộ Tài Chính

Bộ Xây dựng

**Bộ, ngành có trách
nhiệm nghiên cứu, xử
lý, tham mưu xử lý**

Bộ Xây dựng

Bộ Xây dựng

**Bộ, ngành có trách
nhiệm nghiên cứu, xử
lý, tham mưu xử lý**

**Bộ, ngành có trách
nhiệm nghiên cứu, xử
lý, tham mưu xử lý**

--

**Bộ, ngành có trách
nhiệm nghiên cứu, xử
lý, tham mưu xử lý**

**Bộ, ngành có trách
nhiệm nghiên cứu, xử
lý, tham mưu xử lý**

Bộ Xây dựng

Bộ Xây dựng

**Bộ, ngành có trách
nhiệm nghiên cứu, xử
lý, tham mưu xử lý**

Bộ Xây dựng

Bộ Công Thương
Bộ Công An

Bộ Nông nghiệp và
Môi trường

PHỤ LỤC II
KẾT QUẢ PHẢN ÁNH KHÓ KHĂN, VƯỚNG MẮC DO QUY ĐỊNH PHÁP LUẬT
Tiêu chí: Quy định của văn bản quy phạm pháp luật không rõ ràng, có nhiều cách hiểu khác nhau, không hợp lý, không khả thi, gây khó khăn trong áp dụng, thực hiện pháp luật
Tổ chức phản ánh: Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam

STT	Điều, khoản, điểm, tên văn bản đề xuất xử lý	Nội dung quy định được phản ánh không rõ ràng, có nhiều cách hiểu khác nhau, không hợp lý, không khả thi, gây khó khăn trong áp dụng, thực hiện pháp luật	Phương án xử lý được đề xuất	Bộ, ngành có trách nhiệm nghiên cứu, xử lý, tham mưu xử lý
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
1	Điều 23, khoản 1, Nghị định 83/2014 ND-CP ngày 03/09/2014 của Chính phủ (Quyền và nghĩa vụ của TNNQBL xăng dầu)	Được bán lẻ xăng dầu tại cửa hàng bán lẻ xăng dầu của mình theo giá bán lẻ do thương nhân nhượng quyền là thương nhân đầu mối hoặc thương nhân phân phối xăng dầu quy định Quy định trên có thể hiểu: Các thương nhân nhượng quyền bán lẻ xăng dầu chỉ thực hiện hoạt động bán lẻ xăng dầu tại CHXD của mình mà không thực hiện các hình thức bán hàng khác (Không được bán buôn, không được giảm giá bán lẻ, không được giao hàng cho khách tại địa điểm không thuộc CHXD của mình...).	Quy định rõ ràng các trường hợp TNNQ bán lẻ tại CHXD; Trường hợp các TNNQBL được phép bán buôn cho khách tiêu dùng trực tiếp, vận chuyển và giao nhận hàng tại kho của khách	Bộ Công Thương
2	Khoản 3, Điều 1, Nghị định 56/2023/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 96/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 quy định định điều kiện an ninh trật tự đối với một số ngành nghề kinh doanh có điều kiện (Phiếu lý lịch tư pháp trừ những người đang thuộc biên chế lực lượng vũ trang)	Hiện nay, các cơ quan thực hiện pháp luật, có đơn vị yêu cầu áp dụng Phiếu lý lịch tư pháp số 1; có đơn vị yêu cầu áp dụng Phiếu lý lịch tư pháp số 2. Như vậy, chưa đồng nhất trong việc áp dụng pháp luật.	Hướng dẫn áp dụng văn bản quy phạm pháp luật theo quy định tại điều 61 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2025: Quy định rõ trường hợp nào thì áp dụng Phiếu lý lịch tư pháp số mấy (số 1 hoặc số 2).	Bộ Công An
3	Khoản 2, Điều 11, luật thuế BVMT quy định về đối tượng hoàn thuế: “xăng, dầu bán cho phương tiện vận tải của hãng nước ngoài trên tuyến đường qua cảng Việt Nam hoặc phương tiện vận tải của Việt Nam trên tuyến đường vận tải quốc tế” gây khó khăn, vướng mắc trong quá trình thực hiện. - Thiếu cơ chế hướng dẫn hoàn thuế.	- Doanh nghiệp phải thực hiện kê khai và nộp cho lượng xăng dầu đã bán D15xuất khẩu sau đó phải thủ tục hoàn thuế cho lượng đã bán => Thủ tục kê khai và nộp thuế không phù hợp bản chất xuất khẩu là hàng hóa không tiêu thụ trong nước dẫn đến làm tăng thủ tục cho người nộp thuế. - Không có hướng dẫn hoàn thuế BVMT đối với xăng dầu bán cho phương tiện vận tải quốc tế trên tuyến đường qua cảng Việt Nam mặc dù luật quy định đối tượng này thuộc diện được hoàn => Dẫn đến tồn đọng tiền thuế BVMT lớn đã nộp tuy nhiên chưa được hoàn.	Đề xuất Phương án C.	Bộ Tài chính
4	Thiếu cơ chế, định nghĩa và quy định pháp lý đối với nhiên liệu hàng không bền vững (SAF).	Doanh nghiệp không có cơ sở rõ ràng để áp dụng chính sách ưu đãi hay miễn thuế đối với nhiên liệu hàng không bền vững (SAF).	Đề xuất Phương án C.	Bộ Tài chính
5	Điểm b, khoản 6, điều 1, Nghị định 70/2025/NĐ-CP về thời điểm lập hóa đơn đối với trường hợp cung cấp nhiên liệu hàng không với dữ liệu lớn	Quy định về thời điểm lập hóa đơn đối trường hợp cung ứng nhiên liệu hàng không (đối soát dữ liệu lớn) chậm nhất 07 ngày của tháng sau tháng phát sinh doanh thu. - Đối với một hoạt động kinh doanh chuyển khẩu của một số doanh nghiệp đòi hỏi mất nhiều thời gian để đối soát dữ liệu giữa nhiều bên bao gồm nhà cung cấp quốc tế. => Mốc thời điểm lập hóa đơn chậm nhất 07 ngày của tháng sau khó đáp ứng vì doanh nghiệp phải phụ thuộc nhiều vào các đối tác quốc tế.	Đề xuất Phương án C.	Bộ Tài chính
6	Thiếu cơ chế về tiêu chuẩn đảm bảo kỹ thuật cho nhiên liệu hàng không bền vững	Thiếu cơ sở cho doanh nghiệp trong công tác đảm bảo các yếu tố kỹ thuật của nhiên liệu hàng không bền vững (SAF)	Đề xuất Phương án C.	Bộ Xây dựng

STT	Điều, khoản, điểm, tên văn bản đề xuất xử lý	Nội dung quy định được phản ánh không rõ ràng, có nhiều cách hiểu khác nhau, không hợp lý, không khả thi, gây khó khăn trong áp dụng, thực hiện pháp luật	Phương án xử lý được đề xuất	Bộ, ngành có trách nhiệm nghiên cứu, xử lý, tham mưu xử lý
7	Nghị quyết số 198/2025/QH15 ngày 17/5/2025 của Quốc hội Điều 4: Nguyên tắc hoạt động thanh tra, kiểm tra	Quy định tại khoản 1, Điều 4 (Nghị quyết 198/2025/QH15): "Số lần thanh tra đối với mỗi doanh nghiệp, hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh (nếu có) không được quá 01 lần trong năm, trừ trường hợp có dấu hiệu vi phạm rõ ràng"; khoản 2, Điều 4: "Số lần kiểm tra tại doanh nghiệp, hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh (nếu có), bao gồm cả kiểm tra liên ngành, không được quá 01 lần trong năm, trừ trường hợp có dấu hiệu vi phạm rõ ràng". Việc các cơ quan liên ngành thường xuyên thanh, kiểm tra đối với Công ty và các đơn vị trực thuộc Công ty về cùng một nội dung làm mất thời gian phục vụ công tác thanh, kiểm tra của các đoàn tại đơn vị; cản trở và gây bức xúc cho người đứng đầu và người lao động do phải thường xuyên tiếp các đoàn kiểm tra.	Sửa đổi, bổ sung,văn bản quy phạm pháp luật Đề nghị Cơ quan quản lý có thẩm quyền ban hành bổ sung nội dung chi tiết quy định việc thanh tra, kiểm tra của các cơ quan quản lý nhà nước về cùng một nội dung tại các đơn vị doanh nghiệp chỉ được tiến hành 01 lần/năm..	Bộ Tư pháp, Thanh tra Chính phủ
8	Tại khoản 6 điều 100 Nghị định số 29/2021/NĐ-CP quy định: Điều 100. Báo cáo về giám sát, đánh giá đầu tư 6. Nhà đầu tư các dự án sử dụng vốn nhà nước ngoài đầu tư công lập và gửi cơ quan chủ quản, người có thẩm quyền quyết định đầu tư và đơn vị đầu mỗi thực hiện công tác giám sát, đánh giá đầu tư các loại báo cáo sau: a) Báo cáo giám sát, đánh giá định kỳ: 6 tháng và cả năm; b) Báo cáo giám sát, đánh giá trước khi điều chỉnh dự án; c) Báo cáo đánh giá dự án đầu tư do mình tổ chức thực hiện; d) Báo cáo tổng hợp công tác giám sát, đánh giá hàng năm các chương trình, dự án đầu tư do mình quản lý. Khoản 3 và, Khoản 4 Điều 101 Nghị định 29/2021/NĐ-CP: 3. Quy định về tài khoản sử dụng Hệ thống: 4. Quy định về cập nhật thông tin, báo cáo của chủ đầu tư, nhà đầu tư, chủ dự án thành phần.	Việc lập tài khoản và cập nhật thông tin, báo cáo đối với các dự án sử dụng vốn nhà nước ngoài đầu tư công gặp rất nhiều khó khăn và vướng mắc, gần như không thể thực hiện ngoài trừ Báo cáo giám sát đánh giá tổng thể đầu tư cả năm của Doanh nghiệp nhà nước.	B. Hướng dẫn áp dụng văn bản quy phạm pháp luật theo quy định tại điều 61 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2025.(Khoản 3, Khoản 4 Điều 101 Nghị định 29/2021/NĐ-CP)	Bộ Tài chính
9	Điều 17. Thẩm định thiết kế về phòng cháy và chữa cháy của Luật Phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ số 55/2024/QH15 Khoản 3, điều 9 của Nghị định 105/2025/NĐ-CP Điều 9. Thẩm quyền thẩm định thiết kế về phòng cháy và chữa cháy của cơ quan Công an của Thông tư 36/2025/TT-BCA Thông tư 06/2021/TT-BXD ngày 30/6/2021 - “Quy định về phân cấp công trình xây dựng và hướng dẫn áp dụng trong quản lý hoạt động đầu tư xây dựng”	Việc phân cấp thẩm quyền thực hiện các nội dung thẩm duyệt PCCC căn cứ vào Cấp công trình. Việc phân cấp phê duyệt công trình kho xăng dầu hiện còn có điểm chưa hợp lý (Phân cấp công trình theo tổng dung tích kho (bao gồm dung tích đã có sẵn), mà không theo dung tích mở rộng cho từng dự án cụ thể), vì vậy có những dự án đầu tư của doanh nghiệp quy mô mở rộng sức chứa rất nhỏ, hoặc xây dựng các công trình hạ tầng bổ sung, các công trình độc lập với quy mô cấp công trình thuộc thẩm quyền của địa phương, song thẩm quyền thực hiện các nội dung trên theo quy định vẫn thuộc cấp Bộ, dẫn đến doanh nghiệp gặp nhiều khó khăn, kéo dài thời gian, chi phí đi lại để hoàn thành các thủ tục nêu trên, ảnh hưởng không nhỏ tới thời gian thực hiện, cơ hội và hiệu quả đầu tư dự án.	C. Sửa đổi, bổ sung: Điều chỉnh quy định về phân cấp công trình kho xăng dầu tại Thông tư 06/2021/TT-BXD ngày 30/6/2021 - “Quy định về phân cấp công trình xây dựng và hướng dẫn áp dụng trong quản lý hoạt động đầu tư xây dựng” một cách hợp lý để giải quyết một số bất cập đối với các dự án cải tạo sửa nâng cấp kho xăng dầu có sẵn, các công trình xây dựng bổ sung trong Kho xăng dầu không ảnh hưởng đến quy mô cấp công trình hiện hữu.	Bộ Công An, Bộ Xây dựng

STT	Điều, khoản, điểm, tên văn bản đề xuất xử lý	Nội dung quy định được phản ánh không rõ ràng, có nhiều cách hiểu khác nhau, không hợp lý, không khả thi, gây khó khăn trong áp dụng, thực hiện pháp luật	Phương án xử lý được đề xuất	Bộ, ngành có trách nhiệm nghiên cứu, xử lý, tham mưu xử lý
10	Văn bản hợp nhất 19/VBHN-BCT ngày 13/03/2020 của Bộ công thương hợp nhất Nghị định về kinh doanh khí do Bộ Công Thương ban hành, cụ thể: Tại mục 2 Quyền và nghĩa vụ của thương nhân. Chi tiết + Khoản 12 Điều 32 Quyền và nghĩa vụ của cửa hàng bán lẻ LPG chai + Khoản 9 Điều 23 Quyền và nghĩa vụ của thương nhân có trạm nạp LPG vào chai Quy định rõ Các cửa hàng bán lẻ LPG chai, các thương nhân có trạm nạp LPG vào chai phải “Lập sổ hoặc cơ sở dữ liệu điện tử ứng dụng công nghệ thông tin theo dõi chai LPG bán tại cửa hàng. Tại sổ theo dõi hoặc cơ sở dữ liệu điện tử phải có các thông tin sau về chai chứa: chủ sở hữu, loại chai, số sê ri chai, hạn kiểm định trên chai, nơi nhập chai chứa cho cửa hàng, ngày nhập, tên và địa chỉ khách hàng sử dụng, ngày giao chai cho khách hàng”	Quy định này gây nhiều khó khăn trong thực tiễn cho doanh nghiệp kinh doanh gas (nhập hàng, xuất bán hàng) Đối với doanh nghiệp có sản lượng bán gas hàng năm lớn, cụ thể năm 2024 xuất bán 25.000 bình gas 48 kg; 37.000 bình 12 kg. Như vậy số lượt phải mở sổ sách theo dõi tương ứng 124.000 lượt (nhập – xuất đều phải ghi sổ để theo dõi). Điều này gây rất nhiều khó khăn cho doanh nghiệp do việc ghi chép sổ seri từng bình gas rất tốn thời gian, thêm nhân lực và chi phí thực hiện. Dẫn đến ảnh hưởng hiệu quả kinh doanh đối với mặt hàng Gas - Một trong những mục đích của việc lập dữ liệu là theo dõi số Seri khi nhập xuất hàng hoá là để quản lý xuất xứ và nguồn gốc bình gas, tuy nhiên hiện nay hầu hết các hãng gas đều có tem chống hàng giả dán trên bình.	Đề xuất Phương án C.	Bộ Công Thương
11	Khoản 2 Điều 25 Nghị định số 83/2014/NĐ-CP (sửa đổi tại khoản 20 Điều 1 Nghị định số 95/2021/NĐ-CP) - Luật số 55/2024/QH15 – Luật PCCC&CNCH	Quy định pháp luật không yêu cầu biên bản kiểm tra điều kiện an toàn PCCC riêng trong hồ sơ cấp mới Giấy chứng nhận đủ điều kiện bán lẻ xăng dầu nếu đã có biên bản nghiệm thu. Tuy nhiên, thực tế nhiều Sở Công Thương vẫn yêu cầu cả hai biên bản (nghiệm thu và kiểm tra điều kiện an toàn), gây mâu thuẫn giữa quy định và thực tiễn áp dụng. Nội dung này cũng phát sinh từ việc không có văn bản pháp lý nào quy định rõ ràng về số lượng, loại hình biên bản cần thiết, khiến các địa phương áp dụng khác nhau. Doanh nghiệp bị trả hồ sơ, yêu cầu bổ sung, ảnh hưởng đến tiến độ, chi phí.	Đề xuất Phương án C.	Bộ Công an Bộ Công thương
12	Điểm c Khoản 1 Điều 3 Thông tư 19/2023/TT-BTNMT. “Bãi bỏ toàn bộ Thông tư số 43/2014/TT-BTNMT ngày 29/7/2014 quy định về đào tạo nghiệp vụ bảo vệ môi trường trong kinh doanh xăng dầu, khí dầu mỏ hóa lỏng.”	Việc bãi bỏ toàn bộ nội dung Thông tư số 43/2014/TT-BTNMT ngày 29/7/2014 nêu trên gây khó khăn cho Công ty XDKV2 trong việc thực hiện các thủ tục trong quá trình xét cấp Giấy xác nhận đủ điều kiện thương nhân phân phối xăng dầu, tổng đại lý KDXD, đại lý bán lẻ xăng dầu do yêu cầu phải có Chứng chỉ đào tạo nghiệp vụ BVMT trong kinh doanh xăng dầu của các cơ quan quản lý nhà nước như Bộ Nông nghiệp và Môi trường, Bộ Công thương, Sở Nông nghiệp và môi trường, Sở Công thương. Trong khi đó không có văn bản quy định cụ thể rõ ràng cơ quan nhà nước nào có đủ thẩm quyền để cấp Chứng chỉ đào tạo nghiệp vụ BVMT theo quy định tại khoản 5 Điều 40 D25Nghị định 83/2014/NĐ-CP.	Đề xuất phương án C	Bộ Nông nghiệp và Môi trường
13	Khoản 2, Điều 3 QCVN 01:2020/BCT ban hành kèm theo Thông tư 15/2020/TT-BTNMT ngày 30/06/2020 của Bộ Công thương. : “ 2. Dịch vụ tiện ích là các dịch vụ phục vụ cho hoạt động của người và phương tiện tham gia giao thông như: rửa xe, sửa chữa, bảo dưỡng xe, bãi đỗ xe, dịch vụ dừng nghỉ, cửa hàng bách hóa, máy rút tiền tự động, trạm nạp, thay thế pin cho các phương tiện chạy bằng điện.”	Trong khoản 2 nêu trên có liệt kê các dịch vụ: ...”cửa hàng bách hóa”, tuy nhiên hiện nay không có khái niệm rõ ràng thế nào là cửa hàng bách hóa. Vì vậy, nếu tại các CHXD có dịch vụ bán nước giải khát, cà phê, bán thuốc chữa bệnh thông thường... thì có thể được coi là các dịch vụ tiện ích không? Điều này gây khó khăn cho các CHXD trong việc giải trình việc sử dụng đất tại CHXD (Sử dụng đúng hay sai mục đích sử dụng đất).	Đề xuất phương án C	Bộ Công thương

STT	Điều, khoản, điểm, tên văn bản đề xuất xử lý	Nội dung quy định được phản ánh không rõ ràng, có nhiều cách hiểu khác nhau, không hợp lý, không khả thi, gây khó khăn trong áp dụng, thực hiện pháp luật	Phương án xử lý được đề xuất	Bộ, ngành có trách nhiệm nghiên cứu, xử lý, tham mưu xử lý
14	Điều 6 Quyết định số 12/2021/QĐ-TTg ngày 24/03/2021 do Thủ tướng chính phủ ban hành Quy chế hoạt động ứng phó sự cố tràn dầu;	Nội dung quy định phân loại mức độ sự cố tràn dầu theo 3 mức độ nhỏ, trung bình, lớn. Tuy nhiên chưa có hướng dẫn quy định căn cứ để xác định mức độ dung tích tràn dầu theo mức độ sự cố dẫn đến mỗi nơi hiểu một kiểu. Ví dụ: một Cửa hàng xăng dầu, xác định nguy cơ tràn dầu căn cứ vào điều kiện nào?	B. Hướng dẫn áp dụng văn bản quy phạm pháp luật theo quy định tại Điều 61	Bộ Nông nghiệp và Môi trường
15	Điều 7 Quyết định số 12/2021/QĐ-TTg ngày 24/03/2021 do Thủ tướng chính phủ ban hành Quy chế hoạt động ứng phó sự cố tràn dầu;	Kế hoạch UPSC TD của CHXD thuộc Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam sẽ do Tập đoàn phê duyệt. Nhưng UBND tỉnh cho rằng có những điểm chưa phù hợp với quy định của UBND Tỉnh Đồng Nai về thẩm quyền phê duyệt.	B. Hướng dẫn áp dụng văn bản quy phạm pháp luật theo quy định tại Điều 61	Bộ Nông nghiệp và Môi trường
16	Điểm d Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật doanh nghiệp số 76/2025/QH15 ngày 17/6/2025 như sau: “d) Bổ sung khoản 35 vào sau khoản 34 như sau: “35. Chủ sở hữu hưởng lợi của doanh nghiệp có tư cách pháp nhân (sau đây gọi là chủ sở hữu hưởng lợi của doanh nghiệp) là cá nhân có quyền sở hữu trên thực tế vốn điều lệ hoặc có quyền chi phối đối với doanh nghiệp đó, trừ trường hợp người đại diện chủ sở hữu trực tiếp tại doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ và người đại diện phần vốn nhà nước tại công ty cổ phần, công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên theo quy định của pháp luật về quản lý và đầu tư vốn nhà nước tại doanh nghiệp.”.	Việc định nghĩa chủ sở hữu hưởng lợi doanh nghiệp là cá nhân có quyền sở hữu trên thực tế vốn điều lệ hoặc có quyền chi phối đối với doanh nghiệp đó nhưng không bao hàm chủ sở hữu hưởng lợi doanh nghiệp là tổ chức hoặc một doanh nghiệp khác có tư cách pháp nhân Bên cạnh đó, đối với Công ty TNHH một thành viên và do doanh nghiệp Nhà nước (Tập đoàn) nắm giữ 100% vốn điều lệ như Công ty Xăng dầu Đồng Nai thì chủ sở hữu hưởng lợi doanh nghiệp được xác định như thế nào? Nếu xác định theo điểm b Khoản 1 Điều 17 của Nghị định 168/2025/NĐ-CP ngày ngày 30 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ về Đăng ký doanh nghiệp có phù hợp không?	B. Hướng dẫn áp dụng văn bản quy phạm pháp luật theo quy định tại Điều 61	Bộ Tài chính
17	Điểm b Khoản 1 Điều 17 của NĐ 168/2025/NĐ-CP ngày ngày 30 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ về Đăng ký doanh nghiệp “b) Cá nhân có quyền chi phối việc thông qua ít nhất một trong các vấn đề sau: Bổ nhiệm, miễn nhiệm hoặc bãi nhiệm đa số hoặc tất cả thành viên hội đồng quản trị, chủ tịch hội đồng quản trị, chủ tịch hội đồng thành viên; người đại diện theo pháp luật, giám đốc hoặc tổng giám đốc của doanh nghiệp; sửa đổi, bổ sung điều lệ của doanh nghiệp; thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý công ty; tổ chức lại, giải thể công ty	Nếu theo nội dung của điểm b Khoản 1 Điều 17 của Nghị định 168/2025/NĐ-CP ngày ngày 30 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ về Đăng ký doanh nghiệp thì tất cả thành viên HĐQT Tập đoàn là chủ sở hữu hưởng lợi doanh nghiệp của Công ty Xăng dầu Đồng Nai, sẽ phải kê khai, thông báo danh sách chủ sở hữu hưởng lợi doanh nghiệp với Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp tỉnh theo Điều 18 của Nghị định 168/2025/NĐ-CP	C. Sửa đổi, bổ sung, thay thế, ban hành mới văn bản quy phạm pháp luật (theo	Bộ tài chính
18	Khoản 2 Điều 18 Nghị định 168/2025/NĐ-CP ngày ngày 30 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ về Đăng ký doanh nghiệp: “2. Người thành lập doanh nghiệp, doanh nghiệp tự xác định chủ sở hữu hưởng lợi của doanh nghiệp quy định tại điểm b khoản 1 Điều 17 Nghị định này và kê khai, thông báo với Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp tỉnh (nếu có)”	Việc yêu cầu doanh nghiệp tự xác định chủ sở hữu hưởng lợi của doanh nghiệp và kê khai, thông báo với cơ quan đăng ký kinh doanh cấp tỉnh rất không khả thi, gây khó khăn trong áp dụng vì theo biểu mẫu số 10 của Thông tư 68/2025/TT-BTC ngày 01/7/2025 của Bộ Tài chính phải kê khai tất cả các thông tin về ngày tháng năm sinh, số CCCD, địa chỉ liên lạc	C. Sửa đổi, bổ sung, thay thế, ban hành mới văn bản quy phạm pháp luật (theo	Bộ Tài chính

STT	Điều, khoản, điểm, tên văn bản đề xuất xử lý	Nội dung quy định được phản ánh không rõ ràng, có nhiều cách hiểu khác nhau, không hợp lý, không khả thi, gây khó khăn trong áp dụng, thực hiện pháp luật	Phương án xử lý được đề xuất	Bộ, ngành có trách nhiệm nghiên cứu, xử lý, tham mưu xử lý
19	Điểm a Khoản 2 Điều 69 Nghị định 145/2020/NĐ-CP của Chính phủ	Việc yêu cầu trong Nội quy lao động phải quy định cụ thể thời điểm các đợt nghỉ giải lao ngoài thời gian nghỉ giữa giờ là điều khoản không hợp lý và gây khó khăn trong việc áp dụng, nhất là đối với doanh nghiệp đặc thù kinh doanh xăng dầu vì việc nghỉ giải lao của người lao động rất linh hoạt, không cố định, có những thời điểm trong ca bán hàng nếu không có khách hàng, người lao động được tranh thủ nghỉ giải lao, chờ việc và trường đơn vị luôn linh hoạt để bố trí cho người lao động nghỉ giải lao. Nếu bắt buộc quy định cứng nhắc thời điểm các đợt giải lao như vậy trong Nội quy lao động thì sẽ không phù hợp tại tất cả các Cửa hàng xăng dầu.	C. Sửa đổi, bổ sung, thay thế, ban hành mới văn bản quy phạm pháp luật (theo	Quốc hội
20	Theo quy định hiện hành thì hàng DTQG phải thực hiện theo Luật dự trữ quốc gia số 11/VBHN-VPQH ngày 12/12/2017 của Quốc hội. Theo đó hàng DTQG phải được chứa riêng theo Mục 1 Điều 51 của Luật DTQG, Cụ thể: “ Hàng dự trữ quốc gia phải được cất giữ riêng đúng địa điểm quy định, bảo quản theo quy chuẩn kỹ thuật quốc gia hàng dự trữ quốc gia, định mức kinh tế - kỹ thuật hàng dự trữ quốc gia và hợp đồng thuê bảo quản hàng dự trữ quốc gia, bảo đảm về số lượng, chất lượng, an toàn”. - Quyết định số 16/2020/QĐ-TTg ngày 15/05/2020 của Thủ tướng Chính Phủ về việc ban hành Quy chế quản lý xăng dầu dự trữ quốc gia. Theo đó nguyên tắc bảo quản xăng dầu dự trữ quốc gia được quy định tại điều 13 “Thực hiện theo quy định tại điều 51 Luật Dự trữ quốc gia”.	Hợp đồng thuê bảo quản xăng dầu DTQG giữa Bộ Công Thương và Petrolimex được ký ngày 30/09/2014 có giá trị từ năm 2014, hàng năm đều ký Phụ lục theo từng năm và đã ký đến hết năm 2024. Về cơ bản, Hợp đồng và các Phụ lục được ký trên cơ sở Tập đoàn đăng ký hàng DTQG chứa chung trong cụm bể với hàng kinh doanh. Kể từ khi được giao nhiệm vụ bảo quản hàng DTQG từ năm 1992 đến nay, lượng hàng xăng dầu DTQG được chứa chung với hàng kinh doanh của đơn vị và luôn đảm bảo đủ về số lượng, chất lượng trong mọi điều kiện. Nhận xét về việc chứa chung/ chứa riêng: - Việc hàng DTQG được chứa chung với hàng kinh doanh của đơn vị đã đem lại hiệu quả cao do: (i) tận dụng được sức chứa kho bể còn trống của Doanh nghiệp; (ii) tránh lãng phí nguồn lực của xã hội do phải đầu tư kho, bồn mới; (iii) tiết kiệm được chi phí hao hụt, chi phí vận chuyển khi đảo hàng theo định kỳ; (iv) xăng dầu được đảo hàng thường xuyên nên chất lượng xăng dầu được đảm bảo ... Việc tồn chứa bảo quản xăng dầu DTQG riêng kho hoặc riêng bồn bể là một đề án tiên tiến và minh bạch tài sản của Nhà nước tuy nhiên sẽ gây khó khăn lớn cho Doanh nghiệp. Hiện tại Petrolimex là đơn vị có hệ thống kho bể có sức chứa xăng dầu lớn nhất cả nước cũng không thể thực hiện được việc bảo quản riêng bồn bể của khối lượng gần 250.000m3 xăng dầu thuộc hàng DTQG do Tập đoàn đang tổ chức kinh doanh tới 10 (mười) mặt hàng trong điều kiện cơ cấu bể và sức chứa phục vụ kinh doanh còn hạn chế nên càng khó khăn khi phải thực hiện quy định về việc chứa riêng hàng dự trữ Quốc gia mặt khác hàng DTQG chứa riêng sẽ lãng phí nếu hàng không được chứa đầy bể, hàng để lâu ngày dễ suy giảm về phẩm chất phải đảo hàng phát sinh thêm nhiều chi phí...	B. Căn cứ đánh giá và nhận xét như trên, Petrolimex kiến nghị Chính phủ xem xét trình Quốc hội sửa đổi, bổ sung khoản 1 điều 51 về nguyên tắc bảo quản hàng dự trữ quốc gia – Luật dự trữ quốc gia số 11/VBHN-VPQH ngày 12/12/2017 đối với việc bảo quản mặt hàng xăng dầu DTQG; theo đó, cho phép các TNDM được giao nhiệm vụ bảo quản chứa chung hàng DTQG với hàng kinh doanh của doanh nghiệp.	Liên Bộ Tài Chính - Bộ Công Thương
21	Về quy định phí bảo quản hàng DTQG: Định mức kinh phí bảo quản hàng DTQG được thực hiện hàng năm dựa theo Quyết định số 65/QĐ-BKH ngày 27 tháng 01 năm 2003 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư. Theo đó định mức chi phí bảo quản hàng DTQG hiện tại là 14.893đ/m3 bao gồm cả thuế GTGT.	Định mức phí bảo quản theo QĐ65 ban hành năm 2003 đã trên 22 năm và thoát ly với thực tế do các khoản chi phí đã tăng cao: Chi phí tiền lương, điện nước, thuế đất...Việc thanh toán chi phí bảo quản thấp hơn chi phí thực tế phát sinh đã làm ảnh hưởng tới kết quả kinh doanh của doanh nghiệp được giao bảo quản hàng Dự trữ quốc gia.	C. Điều chỉnh định mức kinh phí bảo quản hàng DTQG theo Quyết định số 65/QĐ-BKH ngày 27 tháng 01 năm 2003 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư do áp dụng đến nay đã trên 22 năm nên thoát ly rất xa với chi phí thực tế của doanh nghiệp.	Liên Bộ Tài Chính - Bộ Công Thương
22	Khoản đ điều 6 QCVN: 01/2020/BCT ban hành kèm theo Thông tư số 15/2020/TT-BCT	Quy định chiều cao mái che cột bơm không nhỏ hơn 4,75m. Đối với mái che cột bơm nằm trên đất liền sát mép nước có phát sinh bán hàng đường sông nếu Cơ quan cảnh sát PCCC thẩm duyệt PCCC căn theo quy không nhỏ hơn 4,75m là chưa phù hợp gây lãng phí, mất an toàn khi mưa giông, bão lụt.	Không quy định chiều cao mái che cột bơm nằm trên đất liền sát mép nước có phát sinh bán hàng đường sông.	Bộ Công Thương
23	Bảng 6, mục 4, điều 12, QCVN: 01/2020/BCT ban hành kèm theo Thông tư số 15/2020/TT-BCT	Cột bơm xăng dầu và vị trí nhập hàng xăng dầu vào bể chứa, dùng từ “cột bơm” không hiểu là 1 cột hay khu vực cột bơm	Đề nghị có hướng dẫn làm rõ hơn, tránh hiểu nhầm quy định	Bộ Công Thương

STT	Điều, khoản, điểm, tên văn bản đề xuất xử lý	Nội dung quy định được phản ánh không rõ ràng, có nhiều cách hiểu khác nhau, không hợp lý, không khả thi, gây khó khăn trong áp dụng, thực hiện pháp luật	Phương án xử lý được đề xuất	Bộ, ngành có trách nhiệm nghiên cứu, xử lý, tham mưu xử lý
24	Nghị định số 70/2025/NĐ-CP quy định: “Người bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ phải lập hóa đơn điện tử ngay tại thời điểm cung cấp hàng hóa, dịch vụ, không phân biệt đã thu tiền hay chưa thu tiền.”	Cửa hàng xăng dầu có tần suất giao dịch cao, đặc biệt vào giờ cao điểm, gây ùn tắc và chậm trễ khi phải xuất hóa đơn từng lần. Nhập liệu thông tin khách hàng thủ công dễ sai sót, kéo dài thời gian, phát sinh lỗi phải điều chỉnh/thay thế hóa đơn. Hệ thống EGAS và mạng truyền dữ liệu đôi khi gặp sự cố (mưa bão, hỏng máy), không thể lập hóa đơn ngay được nên phải ghi nhận thủ công khi hệ thống bị lỗi.D37 Việc khách hàng thay đổi người thanh toán sau khi nhận hàng làm gián đoạn việc phát hành hóa đơn đúng quy định 20 phút. Một số thời điểm đầu ngày (buổi sáng), các hóa đơn trạng thái thuế “đã gửi” không chuyển sang “chấp nhận” được, muốn làm hóa đơn điều chỉnh, thay thế thì không thể làm được do phải ở trạng thái “chấp nhận”. Nguyên nhân là do hệ thống của cơ quan thuế chậm “chấp nhận” hóa đơn.	Đề xuất phương án C	Bộ Tài chính
25	Khoản 35 Điều 1 Luật Doanh nghiệp 2020 sửa đổi, bổ sung năm 2025 (có hiệu lực từ ngày 01/07/2025) quy định: “Chủ sở hữu hưởng lợi của doanh nghiệp có tư cách pháp nhân (sau đây gọi là chủ sở hữu hưởng lợi của doanh nghiệp) là cá nhân có quyền sở hữu trên thực tế vốn điều lệ hoặc có quyền chi phối đối với doanh nghiệp đó, trừ trường hợp người đại diện chủ sở hữu trực tiếp tại doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ và người đại diện phân vốn nhà nước tại công ty cổ phần, công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên theo quy định của pháp luật về quản lý và đầu tư vốn nhà nước tại doanh nghiệp.”. - Điều 17, Điều 18 Nghị định 168/2025/NĐ-CP về đăng ký doanh nghiệp:			

STT	Điều, khoản, điểm, tên văn bản đề xuất xử lý	Nội dung quy định được phản ánh không rõ ràng, có nhiều cách hiểu khác nhau, không hợp lý, không khả thi, gây khó khăn trong áp dụng, thực hiện pháp luật	Phương án xử lý được đề xuất	Bộ, ngành có trách nhiệm nghiên cứu, xử lý, tham mưu xử lý
	Điều 17. Chủ sở hữu hưởng lợi của doanh nghiệp 1. Tiêu chí xác định chủ sở hữu hưởng lợi của doanh nghiệp Chủ sở hữu hưởng lợi của doanh nghiệp có tư cách pháp nhân (sau đây gọi là chủ sở hữu hưởng lợi của doanh nghiệp) là cá nhân đáp ứng một trong các tiêu chí sau: a) Cá nhân sở hữu trực tiếp hoặc sở hữu gián tiếp từ 25% vốn điều lệ hoặc 25% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết trở lên của doanh nghiệp; b) Cá nhân có quyền chi phối việc thông qua ít nhất một trong các vấn đề sau: Bổ nhiệm, miễn nhiệm hoặc bãi nhiệm đa số hoặc tất cả thành viên hội đồng quản trị, chủ tịch hội đồng quản trị, chủ tịch hội đồng thành viên; người đại diện theo pháp luật, giám đốc hoặc tổng giám đốc của doanh nghiệp; sửa đổi, bổ sung điều lệ của doanh nghiệp; thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý công ty; tổ chức lại, giải thể công ty. 2. Cá nhân sở hữu gián tiếp theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều này là cá nhân sở hữu từ 25% vốn điều lệ hoặc 25% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết trở lên của doanh nghiệp thông qua tổ chức khác.	Theo quy định, Chủ sở hữu hưởng lợi của doanh nghiệp có tư cách pháp nhân luôn là cá nhân. Theo đó, dù doanh nghiệp được sở hữu qua nhiều lớp tổ chức, người hưởng lợi cuối cùng được xác định phải là một cá nhân cụ thể theo các tiêu chí quy định tại Điều 17 Nghị định 168/2025/NĐ-CP. Việc xác định Chủ sở hữu hưởng lợi không áp dụng đối với trường hợp người đại diện chủ sở hữu trực tiếp tại doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ và người đại diện phần vốn nhà nước tại CTCP, CT TNHH hai thành viên trở lên theo quy định của pháp luật về quản lý và đầu tư vốn nhà nước tại doanh nghiệp. Điểm quy định không rõ ràng/gây khó khăn trong việc áp dụng: Quy định về chủ sở hữu hưởng lợi chưa có hướng dẫn và quy định cụ thể đối với trường hợp sau (trường hợp này theo quy định bắt buộc phải kê khai chủ sở hữu hưởng lợi theo Điều 18 Nghị định 168): + Công ty TNHH 1 Thành viên có chủ sở hữu là một tổ chức (gọi là tổ chức A). + Tổ chức A có thành viên góp vốn là Tổ chức B, và Tổ chức B là Công ty Nhà nước do Nhà nước đầu tư góp vốn thành lập. Theo đó, Định nghĩa Chủ sở hữu hưởng lợi ràng buộc là một cá nhân theo các tiêu chí sở hữu hoặc kiểm soát mang tính chất cá nhân. Đối với trường hợp chủ sở hữu Công ty là tổ chức thì việc xác định chủ sở hữu hưởng lợi sẽ không dừng lại ở tổ chức đó, mà cần phải truy vết sâu hơn để tìm ra cá nhân cuối cùng có quyền sở hữu hoặc kiểm soát. Tuy nhiên, nếu chủ sở hữu cuối cùng chỉ dẫn đến một tổ chức mà chủ sở hữu của tổ chức đó là Nhà nước và không có cá nhân nào khác đáp ứng các tiêu chí tại Điều 17, thì theo quy định bên không có cá nhân chủ sở hữu hưởng lợi để kê khai. Như vậy, đối với trường hợp phát sinh nêu trên việc xác định và kê khai chủ sở hữu hưởng lợi đang gặp khó khăn khi Nhà nước là chủ sở hữu gián tiếp cuối cùng.	A, B - Theo quy định, Chủ sở hữu hưởng lợi của doanh nghiệp có tư cách pháp nhân luôn là cá nhân. Theo đó, dù doanh nghiệp được sở hữu qua nhiều lớp tổ chức, người hưởng lợi cuối cùng được xác định phải là một cá nhân cụ thể theo các tiêu chí quy định tại Điều 17 Nghị định 168/2025/NĐ-CP. Việc xác định Chủ sở hữu hưởng lợi không áp dụng đối với trường hợp người đại diện chủ sở hữu trực tiếp tại doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ và người đại diện phần vốn nhà nước tại CTCP, CT TNHH hai thành viên trở lên theo quy định của pháp luật về quản lý và đầu tư vốn nhà nước tại doanh nghiệp. Điểm quy định không rõ ràng/gây khó khăn trong việc áp dụng: Quy định về chủ sở hữu hưởng lợi chưa có hướng dẫn và quy định cụ thể đối với trường hợp sau (trường hợp này theo quy định bắt buộc phải kê khai chủ sở hữu hưởng lợi theo Điều 18 Nghị định 168): + Công ty TNHH 1 Thành viên có chủ sở hữu là một tổ chức (gọi là tổ chức A). + Tổ chức A có thành viên góp vốn là Tổ chức B, và Tổ chức B là Công ty Nhà nước do Nhà nước đầu tư góp vốn thành lập. Theo đó, Định nghĩa Chủ sở hữu hưởng lợi ràng buộc là một cá nhân theo các tiêu chí sở hữu hoặc kiểm soát mang tính chất cá nhân. Đối với trường hợp chủ sở hữu Công ty là tổ chức thì việc xác định chủ sở hữu hưởng lợi sẽ không dừng lại ở tổ chức đó, mà cần phải truy vết sâu hơn để tìm ra cá nhân cuối cùng có quyền sở hữu hoặc kiểm soát. Tuy nhiên, nếu chủ sở hữu cuối cùng chỉ dẫn đến một tổ chức mà chủ sở hữu của tổ chức đó là Nhà nước và không có cá nhân nào khác đáp ứng các tiêu chí tại Điều 17, thì theo quy định bên không có cá nhân chủ sở hữu hưởng lợi để kê khai. Như vậy, đối với trường hợp phát sinh nêu trên việc xác định và kê khai chủ sở hữu hưởng lợi đang gặp khó khăn khi Nhà nước là chủ sở hữu gián tiếp cuối cùng.	Bộ Tài chính Bộ Tư Pháp
	Điều 18. Kê khai thông tin về chủ sở hữu hưởng lợi và thông tin để xác định chủ sở hữu hưởng lợi của doanh nghiệp 1. Người thành lập doanh nghiệp, doanh nghiệp kê khai, thông báo với Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp tỉnh thông tin về chủ sở hữu hưởng lợi của doanh nghiệp như sau: a) Cá nhân là cổ đông sở hữu từ 25% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết trở lên; b) Cá nhân là thành viên sở hữu từ 25% vốn điều lệ trở lên của công ty hợp danh, công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên; c) Cá nhân là chủ sở hữu công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên. 2. Người thành lập doanh nghiệp, doanh nghiệp tự xác định chủ sở hữu hưởng lợi của doanh nghiệp quy định tại điểm b khoản 1 Điều 17 Nghị định này và kê khai, thông báo với Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp tỉnh (nếu có). 3. Người thành lập doanh nghiệp, doanh nghiệp kê khai, thông báo với Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp tỉnh thông tin cổ đông là tổ chức sở hữu từ 25% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết trở lên. Thông tin của cổ đông là tổ chức bao gồm: Tên tổ chức, mã số doanh nghiệp/số quyết định thành lập, ngày cấp, nơi cấp, địa chỉ trụ sở chính, tỷ lệ sở hữu tổng số cổ phần có quyền biểu quyết.			

STT	Điều, khoản, điểm, tên văn bản đề xuất xử lý	Nội dung quy định được phản ánh không rõ ràng, có nhiều cách hiểu khác nhau, không hợp lý, không khả thi, gây khó khăn trong áp dụng, thực hiện pháp luật	Phương án xử lý được đề xuất	Bộ, ngành có trách nhiệm nghiên cứu, xử lý, tham mưu xử lý
26	Sửa đổi “QCVN 01:2020/BCT, Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về yêu cầu thiết kế cửa hàng xăng dầu”	sửa đổi “QCVN 01:2020/BCT, Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về yêu cầu thiết kế cửa hàng xăng dầu” ban hành kèm theo thông tư số 15/2020/TT-BCT ngày 30/6/2020 theo hướng “Chỉ cấm sử dụng điện thoại tại các vùng nguy hiểm, bao gồm zone 0, zone 1 và zone 2; không cấm sử dụng điện thoại tại các vùng không nguy hiểm – ngoài zone 0, zone 1 và zone 2, chi tiết được quy định Phụ lục I kèm quy chuẩn”.	C. Kiến nghị bỏ nội dung “biển cấm sử dụng điện thoại đi động” tại khoản 1, Điều 12 của Quy chuẩn.	Bộ Khoa học Công nghệ - Bộ Công Thương
27	Điều 1, Nghị định 35/2023/NĐ-CP ngày 20/6/2023	Các khu vực trong phạm vi phát triển đô thị thuộc đối tượng phải lập quy hoạch chi tiết khi thực hiện đầu tư xây dựng theo quy định của Luật Quy hoạch đô thị thì phải lập quy hoạch chi tiết để cụ thể hóa quy hoạch chung, quy hoạch phân khu (đối với trường hợp quy định phải lập quy hoạch phân khu), làm cơ sở để lập dự án đầu tư xây dựng, cấp giấy phép xây dựng và triển khai các công việc khác theo quy định của pháp luật liên quan. Đối với các lô đất có quy mô nhỏ quy định tại khoản 4 Điều này thì được lập quy hoạch chi tiết theo quy trình rút gọn (gọi là quy trình lập quy hoạch tổng mặt bằng) theo quy định từ khoản 4a đến khoản 4d Điều này. Thực tế khi lập quy hoạch chung, quy hoạch xây dựng/đô thị, hầu như địa phương không quan tâm/cập nhật các CHXD hiện hữu trên địa bàn vào đồ án quy hoạch chung/phân khu, dẫn đến bất cập trong công tác Quy hoạch sử dụng đất, kế hoạch sử dụng đất hàng năm. Hệ lụy là: (i) Các CHXD hiện hữu không được cập nhật quy hoạch là đất TM-DV (TMD), (ii) CHXD không nằm/không có trong đồ án quy hoạch xây dựng. Từ đó: khi đầu tư mới, sửa chữa/cải tạo phải thực hiện thủ tục xin: (i) Điều chỉnh quy hoạch SDD giai đoạn 2021-2030, kế hoạch SDD hàng năm; (ii) Xin điều chỉnh quy hoạch chung hoặc điều chỉnh cục bộ (1/2000), lập quy hoạch chi tiết 1/500. Hai thủ tục này rất nhiều khó, mất khá nhiều thời gian (tính bằng năm!). Và thực tế hiện nay, khi doanh nghiệp có nhu cầu xây mới/cải tạo nhà vệ sinh (WC) tại CHXD nhằm đảm bảo mỹ quan, sạch sẽ để phục vụ khách hàng vẫn phải lập QH 1/500 trước khi xin phép xây dựng!!!	B. (i) Hướng dẫn cụ thể hơn trường hợp cần phải lập QH 1/500 trước khi tiến hành XPXD của các dự án đầu tư (đầu tư mới và đầu tư sửa chữa). Miễn công tác lập QH 1/500 với các hạng mục sửa chữa nhỏ tại CHXD hiện hữu. (ii) Cho cấp phép xây dựng/sửa chữa/cải tạo các CHXD hiện hữu mà trong quá khứ mục đích sử dụng đất đầu tư xây dựng CHXD phù hợp với quy định hiện hành của nhà nước (đất CD, SKC, ONT, OBT..	Bộ Xây dựng
		- Chuyển đất nông nghiệp sang đất phi nông nghiệp. - Chuyển đất sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp không phải là đất thương mại, dịch vụ sang đất thương mại, dịch vụ. Cả 02 trường hợp chuyển mục đích này phải được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cho phép. Điều 48. Trình tự, thủ tục chuyển mục đích sử dụng đất đối với trường hợp phải xin phép cơ quan nhà nước có thẩm quyền mà người sử dụng đất thuộc diện chấp thuận chủ trương đầu tư, chấp thuận nhà đầu tư theo pháp luật về đầu tư		

STT	Điều, khoản, điểm, tên văn bản đề xuất xử lý	Nội dung quy định được phản ánh không rõ ràng, có nhiều cách hiểu khác nhau, không hợp lý, không khả thi, gây khó khăn trong áp dụng, thực hiện pháp luật	Phương án xử lý được đề xuất	Bộ, ngành có trách nhiệm nghiên cứu, xử lý, tham mưu xử lý
28	Điểm b, khoản 1 Điều 121 của Luật đất đai số 31/2024/QH15; Điểm g, khoản 1 Điều 121 của Luật đất đai số 31/2024/QH5; Điểm b, khoản 1, Điều 48 của ND 102/2024/NĐ-CP ngày 30/7/2024	1. Người sử dụng đất nộp 01 bộ hồ sơ đề nghị chuyển mục đích sử dụng đất cho cơ quan tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả quy định tại điểm a khoản 1 Điều 12 Nghị định này. Hồ sơ gồm: b) Bản sao văn bản phê duyệt dự án đầu tư, quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư, quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư đồng thời chấp thuận nhà đầu tư theo quy định của pháp luật về đầu tư công, pháp luật về đầu tư; văn bản phê duyệt kết quả lựa chọn nhà đầu tư đối với dự án đầu tư theo phương thức đối tác công tư (nếu có); Không có quy định rõ trong trường hợp DN xin chuyển mục đích đất nông nghiệp (CLN, 2L,..) hoặc đất phi nông nghiệp khác (CD, SKC, ONT, OĐT..) có nhu cầu chuyển sang đất TMD đối với CHXD hiện hữu. Thực tế đòi hỏi khu đất phải phù hợp quy hoạch xây dựng của địa phương và yêu cầu phải có quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư là không hợp lý, do tại thời điểm đầu tư thì Luật đầu tư chưa quy định khi đầu tư CHXD phải xin chủ trương đầu tư, thời điểm đó chỉ có các VB chấp thuận quy hoạch CHXD. Mặt khác, các CHXD là hiện hữu và hoạt động lâu năm, có đầy đủ hồ sơ pháp lý và thời điểm đó Luật không quy định đất CHXD phải là đất TMD. Từ đó, dẫn đến việc các CHXD đã xuống cấp, lại không thể xin phép xây dựng để cải tạo/sửa chữa CHXD.	C – Sửa đổi hoặc hướng dẫn áp dụng theo hướng: Không yêu cầu phải lập dự án đầu tư trình cơ quan có thẩm quyền (UBND tỉnh) Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư cho CHXD hiện hữu.	Bộ Nông nghiệp và Môi trường
29	Khoản 1, Điều 60 của ND 102/2024/NĐ-CP ngày 30/7/2024	Điều 60. Trình tự, thủ tục để tổ chức kinh tế nhận chuyển nhượng, thuê quyền sử dụng đất, nhận góp vốn bằng quyền sử dụng đất để thực hiện dự án đầu tư 1. Tổ chức kinh tế có nhu cầu nhận chuyển nhượng, thuê quyền sử dụng đất, nhận góp vốn bằng quyền sử dụng đất để thực hiện dự án đầu tư thì có trích lục vị trí khu đất mà nhà đầu tư đề xuất thực hiện dự án và văn bản đề nghị theo Mẫu số 07 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này gửi Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi có đất. a) Điều kiện về sự phù hợp với quy hoạch sử dụng đất cấp huyện hoặc quy hoạch chung hoặc quy hoạch phân khu hoặc quy hoạch xây dựng hoặc quy hoạch nông thôn đã được phê duyệt và công bố; Khi doanh nghiệp có nhu cầu mở rộng sản xuất kinh doanh để đầu tư phát triển, doanh nghiệp cần phải tìm kiếm những khu đất của các cá nhân có nhu cầu chuyển nhượng để thương lượng mua bán. Muốn được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cho phép nhận chuyển nhượng khu đất trên thì khu đất phải phù hợp QH xây dựng của địa phương và QH sử dụng đất được duyệt thì mới được phép nhận chuyển nhượng. Và trên thực tế rất ít khu đất được quy hoạch sẵn để phù hợp với cả 02 tiêu chí hoặc nếu có khu đất đáp ứng đủ cả 02 tiêu chí trên, nhưng chủ sử dụng đất lại không có nhu cầu chuyển nhượng. Việc này gây khó khăn cho doanh nghiệp rất nhiều khi muốn đầu tư, phát triển, mở rộng sản xuất, kinh doanh.	C. Sửa đổi hoặc hướng dẫn áp dụng theo hướng khi địa phương nơi có đất thống nhất việc cập nhật QH sử dụng đất và cập nhật vị trí đất vào QH xây dựng vào đợt điều chỉnh tiếp theo, thì CQ có thẩm duyệt đồng ý cho doanh nghiệp nhận chuyển nhượng khu đất trên để thực hiện dự án đầu tư	Bộ Nông nghiệp và Môi trường

STT	Điều, khoản, điểm, tên văn bản đề xuất xử lý	Nội dung quy định được phản ánh không rõ ràng, có nhiều cách hiểu khác nhau, không hợp lý, không khả thi, gây khó khăn trong áp dụng, thực hiện pháp luật	Phương án xử lý được đề xuất	Bộ, ngành có trách nhiệm nghiên cứu, xử lý, tham mưu xử lý
30	Đề nghị điều chỉnh, sửa đổi ĐLVN 05:2017: Xi téc ô tô – Quy trình kiểm định.	Tại ĐLVL 05:2017 chưa quy định rõ các thông tin về đặc tính kỹ thuật đo lường của phương tiện đo (Xi téc ô tô) do đó chưa đảm bảo tính nhất quán của nội dung này trong giấy chứng nhận kiểm định của các tổ chức kiểm định được chỉ định cung cấp theo Khoản 1, Điều 40, Thông tư 24/2013/TT-BKHCN ngày 30/09/2013.	Phương án C. Quy định rõ các thông tin về đặc tính kỹ thuật đo lường của phương tiện	Bộ Khoa học và Công nghệ
31	Tại khoản 4 điều 1 của Nghị định 34/2025/NĐ-CP ngày 25/02/2025 sửa đổi, bổ sung Điều 8 của Nghị định 58/2017/NĐ-CP ngày 10/05/2017 trong đó có các nội dung sau: - Tại mục d khoản 2 điều 8 Nghị định 34/2025/NĐ-CP về việc các trường hợp phải lập Phương án đảm bảo an toàn hàng hải: “Bến cảng, cầu cảng tiếp nhận tàu biển giảm tải có thông số kỹ thuật lớn hơn thông số kỹ thuật của tàu biển tại Quyết định công bố. Bộ Giao thông vận tải tổ chức xây dựng tiêu chuẩn kỹ thuật về bến cảng, cầu cảng tiếp nhận tàu biển giảm tải có thông số kỹ thuật lớn hơn thông số kỹ thuật của tàu biển tại Quyết định công bố”. - Tại mục a khoản 3 điều 8 Nghị định 34/2025/NĐ-CP về việc thẩm quyền phê duyệt Phương án đảm bảo an toàn hàng hải: “Cục Hàng hải Việt Nam phê duyệt Phương án đảm bảo an toàn hàng hải đối với trường hợp quy định tại điểm d khoản 2 Điều này”.	- Do Nghị định có hiệu lực từ ngày 10/04/2025, các tổ chức, doanh nghiệp có thể gặp khó khăn trong việc cập nhật, nghiên cứu và Bộ Xây dựng chưa ban hành Thông tư hướng dẫn cụ thể của Nghị định 34/2025/NĐ-CP cho nên một số doanh nghiệp có cầu cảng đang lúng túng, chưa biết phải thực hiện về việc lập phương án đảm bảo an toàn hàng hải. - Việc lập mới phương án theo quy định mới có thể kéo theo các chi phí về thời gian, nhân lực, và thậm chí là chi phí tư vấn nếu các đơn vị không có đủ năng lực nội bộ. - Việc lập phương án an toàn hàng hải đòi hỏi kiến thức chuyên môn sâu về hàng hải, thủy động lực học, rủi ro, và các quy định pháp luật liên quan. Nếu các hướng dẫn không rõ ràng, các doanh nghiệp không chuyên có thể gặp khó khăn trong việc tự xây dựng phương án đạt chuẩn	B. Ban hành thông tư hướng dẫn thực hiện Nghị định 34/2025/NĐ-CP	Bộ Xây dựng
32	- Tại khoản 2 Điều 14 Nghị định số 99/2020/NĐ-CP quy định: Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng đối với thương nhân bán lẻ xăng dầu tại cơ sở không có Giấy chứng nhận cửa hàng đủ điều kiện bán lẻ xăng dầu, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác. - Tại điểm b khoản 3 Điều 20 Nghị định số 99/2020/NĐ-CP quy định: Phạt từ 40.000.000 đồng đến 60.000.000 đồng đối với một trong các hành vi vi phạm sau đây: b) Kinh doanh xăng dầu khi Giấy phép kinh doanh xăng dầu được cấp đã hết hiệu lực”.	thương nhân bán lẻ xăng dầu có giấy chứng nhận cửa hàng đủ điều kiện bán lẻ xăng dầu hết hiệu lực thì sẽ bị xử phạt theo chế tài nào trong 02 chế tài nêu ở bên.	C. Sửa đổi khoản 2 Điều 14 của Nghị định 99/2020/NĐ-CP theo hướng: Bổ sung thêm hành vi thương nhân bán lẻ xăng dầu tại cơ sở có giấy chứng nhận cửa hàng đủ điều kiện bán lẻ xăng dầu hết hiệu lực.	Bộ Công Thương

PHỤ LỤC III

KẾT QUẢ PHẢN ÁNH KHÓ KHĂN, VƯỚNG MẮC DO QUY ĐỊNH PHÁP LUẬT

Tiêu chí: Quy định của văn bản quy phạm pháp luật tạo gánh nặng chi phí tuân thủ; chưa có quy định hoặc có quy định của văn bản quy phạm pháp luật nhưng hạn chế việc đổi mới sáng tạo, phát triển động lực tăng trưởng mới, khơi thông nguồn lực, thúc đẩy tăng trưởng kinh tế, hội nhập quốc tế

Tổ chức phản ánh: Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam

STT	Điều, khoản, điểm, tên văn bản đề xuất xử lý	Nội dung quy định được phản ánh tạo gánh nặng chi phí tuân thủ; chưa có quy định hoặc có quy định của văn bản quy phạm pháp luật nhưng hạn chế việc đổi mới sáng tạo, phát triển động lực tăng trưởng mới, khơi thông nguồn lực, thúc đẩy tăng trưởng kinh tế, hội nhập quốc tế	Phương án xử lý được đề xuất
(1)	(2)	(3)	(4)
1	- Điểm c, khoản 2, Điều 64, Nghị định 102/2024/NĐ-CP ngày 30 tháng 7 năm 2024 của Chính Phủ.	- Tại điểm c, khoản 2, Điều 64, Nghị định 102/2024/NĐ-CP quy định một trong những thành phần hồ sơ xin gia hạn sử dụng đất gồm “Văn bản của cơ quan có thẩm quyền cho phép gia hạn thời hạn hoạt động của dự án đầu tư hoặc thể hiện thời hạn hoạt động của dự án đầu tư theo quy định của pháp luật về đầu tư đối với trường hợp sử dụng đất để thực hiện dự án đầu tư.” Văn bản trên đang được cơ quan quản lý đất đai tại địa phương hiểu là “Quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư, chấp thuận nhà đầu tư”	Đề xuất phương án C.
2	Điểm a, khoản 3 Điều 33 Luật số 61/2020/QH14 Luật Đầu tư do Quốc hội thông qua ngày 17/06/2020	Tại điểm a, khoản 3, Điều 33, Luật số 61/2020/QH14 Luật Đầu tư quy định một trong những nội dung thẩm định đề nghị chấp thuận chủ trương đầu tư gồm: “Đánh giá sự phù hợp của dự án đầu tư với quy hoạch cấp quốc gia, quy hoạch vùng, quy hoạch tỉnh, quy hoạch đô thị và quy hoạch đơn vị hành chính - kinh tế đặc biệt (nếu có)” Thực tế cho thấy, thời gian kể từ khi một quy hoạch được phê duyệt cho đến khi được triển khai thực tế có thể lên đến 20 năm. Bên cạnh đó, đối với các cửa hàng xăng dầu đã đi đến gần thời điểm hết hạn sử dụng đất, thì tài sản gắn liền với đất đã được hình thành và vẫn còn giá trị sử dụng trong hàng chục năm sau đó. Nếu các cửa hàng xăng dầu nói riêng hoặc các dự án nói chung không được chấp thuận gia hạn sử dụng đất vì lý do không phù hợp với quy hoạch, bắt buộc phá dỡ công trình trên đất, hoàn trả mặt bằng ngay tại thời điểm hết hạn sử dụng đất sẽ gây lãng phí nguồn lực rất lớn trong xã hội.	C. Kiến nghị bổ sung quy định bằng văn bản quy phạm pháp luật, cho phép các doanh nghiệp tiếp tục được gia hạn sử dụng đất trong trường hợp không phù hợp với quy hoạch hiện tại, với điều kiện doanh nghiệp lập cam kết tự di chuyển hoặc cải tạo công trình và không đòi bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất. Điều đó cho phép doanh nghiệp tận dụng được giá trị của các tài sản gắn liền với đất, đồng thời không tạo thêm gánh nặng chi phí giải phóng mặt bằng cho Nhà nước khi đến thời điểm Nhà nước cần thu hồi đất để thực hiện quy hoạch.

STT	Điều, khoản, điểm, tên văn bản đề xuất xử lý	Nội dung quy định được phản ánh tạo gánh nặng chi phí tuân thủ; chưa có quy định hoặc có quy định của văn bản quy phạm pháp luật nhưng hạn chế việc đổi mới sáng tạo, phát triển động lực tăng trưởng mới, khơi thông nguồn lực, thúc đẩy tăng trưởng kinh tế, hội nhập quốc tế	Phương án xử lý được đề xuất
3	Khoản 2 và 3 Điều 1 (Đối tượng áp dụng); Khoản 2 Điều 12 (Tỷ lệ thuế GTGT) và Khoản 2 Điều 13 (Tỷ lệ thuế TNDN) Thông tư số 103/2014/TT-BTC ngày 06/08/2014 hướng dẫn thực hiện nghĩa vụ thuế đối với tổ chức, cá nhân nước ngoài kinh doanh tại Việt Nam hoặc có thu nhập phát sinh tại Việt Nam	-Cá nhân hoặc tổ chức nước ngoài gửi hàng Tại Kho Xăng Dầu Ngoại Quan Vân Phong sau đó bán hàng từ kho cho các nhà nhập khẩu trong nước có thể phải chịu thuế nhà thầu ở mức 3% của doanh thu bán hàng (2% thuế GTGT và 1% Thuế TNDN). Với đặc thù doanh thu ngành kinh doanh xăng dầu rất lớn mà lợi nhuận biên nhỏ. Mức thuế 3% trên doanh thu bán hàng chiếm gần hết biên lợi nhuận của họ, do vậy hầu hết khách hàng khi có dự định thuê kho tại Kho Xăng Dầu Ngoại Quan Vân Phong đều rút lui vì lợi nhuận không đủ để bù đắp chi phí thuế này, từ đó làm mất khả năng cạnh tranh của kho đối với các kho khác trong khu vực. Tại Singapore không áp dụng thuế nhà thầu (withholding tax) đối với thu nhập từ bán hàng hoá thông thường (physical goods).	C. Sửa đổi, bổ sung, thay thế, ban hành mới văn bản quy phạm pháp luật về đối tượng chịu thuế hoặc phương pháp tính thuế khác để phù hợp với tình hình kinh doanh cũng như thông lệ quốc tế.
4	Khoản 1 điều 61 Luật Hải Quan năm 2014 (số 54/2014/QH13)	Theo quy định, Hàng hóa gửi kho ngoại quan được lưu giữ trong thời gian không quá 12 tháng kể từ ngày được gửi vào kho; trường hợp có lý do chính đáng thì được Cục trưởng Cục Hải quan đang quản lý kho ngoại quan gia hạn một lần không quá 12 tháng. Hiện tại, các Kho Ngoại Quan Xăng Dầu tại các nước trong khu vực đều không hạn chế thời hạn lưu kho. Việc hạn chế thời hạn lưu kho của 1 lô hàng sẽ gây khó khăn cho hoạt động kinh doanh của khách hàng cũng như không phù hợp với thông lệ quốc tế của ngành kinh doanh xăng dầu.	C. Sửa đổi, bổ sung, thay thế, ban hành mới văn bản quy phạm pháp luật về thời hạn lưu trữ hàng hoá tại kho Ngoại Quan.
5	Điều 9, Thông tư 106/2016/TT-BTC, quy định về thời gian thuê kho ngoại quan,	Tại Khoản 2 có ghi rõ như sau: Thời gian thuê kho ngoại quan để bảo quản hàng hóa xăng dầu không quá 12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng thuê kho. Kinh Doanh Xăng Dầu là hoạt động kinh doanh có điều kiện, đặc biệt là điều kiện kho bãi. Việc hạn chế thời hạn của hợp đồng thuê kho gây khó khăn rất lớn cho Doanh nghiệp cho thuê kho cũng như đi thuê kho, với thời hạn tối đa 1 năm cho 1 hợp đồng thuê kho bãi sẽ gây cho khách hàng không yên tâm về tính ổn định của kế hoạch cũng như phương án kinh doanh tại Việt Nam. Ngoài ra, qua tham khảo các kho ngoại quan xăng dầu khác ở các nước trong khu vực, hiện tại đều không áp dụng thời hạn tối đa cho thời gian thuê kho này. Thời gian thuê kho phụ thuộc vào thỏa thuận giữa người cho thuê và đi thuê, nhà nước không can thiệp	C. Sửa đổi, bổ sung, thay thế, ban hành mới văn bản quy phạm pháp luật về thời hạn hợp đồng thuê kho Ngoại Quan

STT	Điều, khoản, điểm, tên văn bản đề xuất xử lý	Nội dung quy định được phản ánh tạo gánh nặng chi phí tuân thủ; chưa có quy định hoặc có quy định của văn bản quy phạm pháp luật nhưng hạn chế việc đổi mới sáng tạo, phát triển động lực tăng trưởng mới, khơi thông nguồn lực, thúc đẩy tăng trưởng kinh tế, hội nhập quốc tế	Phương án xử lý được đề xuất
6	Căn cứ điểm b, khoản 2, Thông tư số 33/2015/TT-BCT ngày 27/10/2015 Quy định về kiểm định an toàn kỹ thuật các thiết bị điện, dụng cụ điện; - Căn cứ điều 1, thông tư số 53/2016/TT-BLĐTBXH ngày 28/12/2016 ban hành danh mục các loại máy, thiết bị, vật tư, chất có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn, vệ sinh lao động; - Căn cứ điều 1, điều 2, điều 3 Thông tư số 09/2017/TT-BCT ngày 13/07/2017 Quy định hoạt động kiểm định kỹ thuật an toàn lao động thuộc thẩm quyền quản lý của Bộ Công Thương; - Căn cứ Khoản 1, 2 điều 1, điều 2 thông tư số 10/2017/TT-BCT ngày 26/07/2017 Ban hành quy trình kiểm định kỹ thuật an toàn lao động đối với máy, thiết bị, vật tư có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn lao động thuộc thẩm quyền quản lý của Bộ Công Thương	Với số lượng thiết bị phải kiểm định rất lớn, việc tuân thủ chu kỳ kiểm định như hiện hành đang gây áp lực đáng kể về chi phí và thời gian cho doanh nghiệp, trong khi Quy trình kiểm định định kỳ các thiết bị phòng nổ hiện tại nhìn chung thiên về kiểm tra tình trạng thiết bị ngoại quan và đo đạt các thông số cơ bản, kiểm tra đôi chiếu lý lịch thiết bị... với quy trình kiểm tra như trên thì doanh nghiệp có thể tự thực hiện nội bộ định kỳ hoặc tự kiểm tra nội bộ sau khi bảo dưỡng sửa chữa.	C. Sửa đổi, bổ sung: kéo dài thời gian kiểm định đối với các thiết bị phòng nổ nhằm tạo điều kiện cho doanh nghiệp tiết giảm chi phí vận hành, nhưng vẫn đảm bảo yêu cầu an toàn khi kết hợp với công tác bảo trì – bảo dưỡng định kỳ và quản lý rủi ro nội bộ phù hợp.
7	Điều 105 Bộ luật Lao động 2019	Quy định “Thời giờ làm việc bình thường không quá 08 giờ trong 01 ngày và không quá 48 giờ trong 01 tuần” Quy định này gây khó khăn cho các doanh nghiệp bố trí lao động theo ca kíp nhưng cường độ lao động không liên tục, thời gian nghỉ ngơi (ngủ lại đơn vị để trực bảo vệ tài sản) của người lao động nằm trong ca bán. Nếu tuân thủ quy định thì phải bố trí thêm lao động tạo gánh nặng chi phí cho doanh nghiệp; lương, thu nhập của người lao động giảm.	C. Hoặc bổ sung các trường hợp đặc biệt phù hợp với thực hiện SXKD thực tế tại DN Hoặc Người sử dụng lao động có quyền quy định thời giờ làm việc theo ngày hoặc tuần nhưng phải thông báo cho người lao động biết. Sửa đổi, bổ sung, thay thế, ban hành mới văn bản quy phạm pháp luật (theo đúng trình tự, thủ tục rút gọn ban hành văn bản quy phạm pháp luật của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2025).

STT	Điều, khoản, điểm, tên văn bản đề xuất xử lý	Nội dung quy định được phản ánh tạo gánh nặng chi phí tuân thủ; chưa có quy định hoặc có quy định của văn bản quy phạm pháp luật nhưng hạn chế việc đổi mới sáng tạo, phát triển động lực tăng trưởng mới, khơi thông nguồn lực, thúc đẩy tăng trưởng kinh tế, hội nhập quốc tế	Phương án xử lý được đề xuất
8	Khoản 1 Điều 36 Nghị định 39/2016/NĐ-CP	Cơ sở sản xuất, kinh doanh sử dụng từ 300 đến dưới 1.000 người lao động, phải bố trí ít nhất 02 người làm công tác an toàn, vệ sinh lao động theo chế độ chuyên trách; Nội dung này tạo gánh nặng chi phí cho doanh nghiệp, trong điều kiện đang bố trí sắp xếp, tinh gọn bộ máy, giảm tỷ lệ lao động gián tiếp thì nội dung này không còn phù hợp	Bỏ quy định về số lượng người chuyên trách về công tác an toàn vệ sinh lao động
9	Nghị quyết số 954/2020/UBTVQH14 điều chỉnh mức giảm trừ gia cảnh quy định tại khoản 1 Điều 19 của Luật Thuế thu nhập cá nhân số 04/2007/QH12 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 26/2012/QH13	Mức nộp thuế TNCN (11 triệu/tháng) và giảm trừ đối với người phụ thuộc (4,4 triệu/tháng) không còn phù hợp, do: - Từ năm 2020 đến nay, chỉ số giá tiêu dùng (CPI) và lạm phát đã tăng mạnh, làm cho giá trị thực của mức giảm trừ giảm đi đáng kể. - Mức giảm trừ 11 triệu đồng/tháng không còn đủ để đảm bảo mức sống tối thiểu, trái với nguyên tắc của Luật thuế TNCN: “Chỉ đánh thuế thu nhập phần vượt quá chi phí tối thiểu để duy trì cuộc sống” - Mức thuế lũy tiến tối đa 35% là mức thuế cao, chưa phù hợp với thu nhập NLĐ. Thuế TNCN ngày càng trở thành gánh nặng cho NLĐ, làm hạn chế động lực làm việc cho NLĐ	Tăng mức nộp thuế TNCN lên trên 15trđ/tháng và tăng mức giảm trừ đối v
10	Khoản 13, Điều 12 Nghị định 35/2023/NĐ-CP ngày 20/06/2023: “Bãi bỏ khoản 3, điều 41” của Nghị định 15/2021/NĐ-CP ngày 03/03/2021. * Khoản 3 điều 41 của Nghị định 15/2021/NĐ-CP quy định như sau: “Công trình thuộc dự án đầu tư xây dựng không yêu cầu lập quy hoạch chi tiết xây dựng theo quy định của pháp luật quy hoạch, công trình thuộc dự án đầu tư xây dựng do một chủ đầu tư tổ chức thực hiện có quy mô nhỏ hơn 05 hecta (nhỏ hơn 02 hecta đối với dự án đầu tư xây dựng nhà chung cư) thì quy hoạch phân khu xây dựng là cơ sở để xem xét cấp phép xây dựng”	Phân tích cụ thể: - Quy định như khoản 13, điều 12 Nghị định 35/2023/NĐ-CP ngày 20/06/2023 sẽ làm tăng nặng chi phí tuân thủ của Doanh nghiệp; - Do không giới hạn diện tích nhỏ nhất của dự án nên bắt buộc tất cả công trình thuộc dự án đầu tư đều phải lập quy hoạch chi tiết. Dẫn đến nhiều công trình có diện tích nhỏ (như Cửa hàng xăng dầu, văn phòng làm việc, ...), hoặc các dự án chỉ thay đổi quy mô một phần công trình hiện có đều phải lập quy hoạch chi tiết; nhất là các dự án đã tồn tại bên trong khu đô thị. Việc lập quy hoạch chi tiết sẽ kéo dài thời gian thực hiện dự án, tốn kém chi phí.	C. Sửa đổi, bổ sung, thay thế, ban hành mới văn bản quy phạm pháp luật (theo đúng trình tự, thủ tục rút gọn ban hành văn bản quy phạm pháp luật của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2025). Cụ thể là: Giữ nguyên nội dung như quy định tại khoản 3, điều 41 của Nghị định 15/2021/NĐ-CP.

STT	Điều, khoản, điểm, tên văn bản đề xuất xử lý	Nội dung quy định được phản ánh tạo gánh nặng chi phí tuân thủ; chưa có quy định hoặc có quy định của văn bản quy phạm pháp luật nhưng hạn chế việc đổi mới sáng tạo, phát triển động lực tăng trưởng mới, khơi thông nguồn lực, thúc đẩy tăng trưởng kinh tế, hội nhập quốc tế	Phương án xử lý được đề xuất
11	Điều 46 Quyết định số 12/2021/QĐ-TTg ngày 24/03/2021 do Thủ tướng chính phủ ban hành Quy chế hoạt động ứng phó sự cố tràn dầu	Quy định các cơ sở phải “Định kỳ tối thiểu 6 tháng/lần triển khai thực hành huấn luyện UPSCTD tại hiện trường”. Với tần suất như vậy là quá dày, không cần thiết và tạo ra gánh nặng chi phí tuân thủ	Đề xuất phương án C
12	Điểm a, khoản 1, điều 6, Thông tư 15/2015/TT- BKHCN	Các bộ phận, chi tiết chức năng của cột đo xăng dầu phải phù hợp với mẫu đã được phê duyệt, trường hợp kiểm định lần đầu trước khi đưa vào sử dụng, các bộ phận chi tiết của cột đo xăng dầu phải đảm bảo mới 100% là chưa phù hợp	Không bắt buộc các bộ phận chi tiết của cột đo xăng dầu phải đảm bảo mới 100% khi kiểm định lần đầu
		Thửa đất đã được cấp GCNQSD đất, mục đích sử dụng đất là thương mại dịch vụ, nhưng hàng năm khi lập Quy hoạch xây dựng, kế hoạch sử dụng đất cơ quan quản lý không cập nhật hiện trạng thực tế vào, kill Công ty có nhu cầu cải tạo sửa chữa cửa hàng, xin thông tin quy hoạch kết quả lại là đất của mục đích khác (đất ở, đất trồng lúa, nuôi trồng thủy sản) gây khó khăn trong việc xây dựng và cải tạo	Hàng năm khi lập phương án quy hoạch xây dựng, kế hoạch sử dụng đất đơn vị có trách nhiệm lập/tư vấn cần rà soát hiện trạng để cập nhật tình hình sử dụng đất thực tế trên địa bàn, phản ánh đúng công năng sử dụng và phù hợp với giấy chứng nhận đã được cấp
		Khi thực hiện việc gia hạn thời gian thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất, đầu tư xây dựng cửa hàng mới thì thửa đất phải phù hợp quy hoạch xây dựng, kế hoạch sử dụng đất hàng năm và quy hoạch kế hoạch sử dụng đất giai đoạn. Việc phải phù hợp nhiều nội dung, do nhiều cơ quan phụ trách có khi lại chồng chéo và khó khăn cho doanh nghiệp. Có trường hợp khi chuyển mục đích sử dụng đất của 1 cửa hàng, đã phù hợp quy hoạch xây dựng, kế hoạch sử dụng đất tại thời điểm đó, nhưng chưa có trong quy hoạch kế hoạch sử dụng đất giai đoạn thì doanh nghiệp không thực hiện được, muốn đăng ký vào quy hoạch sử dụng đất giai đoạn thì phải đợi đến chu kỳ, có khi phải đến vài năm, gây chậm trễ và gián đoạn dự án	Cần thống nhất thủ tục quy hoạch và cơ quan phụ trách, đơn giản thủ tục về đăng ký bổ sung quy hoạch xây dựng, kế hoạch sử dụng đất

STT	Điều, khoản, điểm, tên văn bản đề xuất xử lý	Nội dung quy định được phản ánh tạo gánh nặng chi phí tuân thủ; chưa có quy định hoặc có quy định của văn bản quy phạm pháp luật nhưng hạn chế việc đổi mới sáng tạo, phát triển động lực tăng trưởng mới, khơi thông nguồn lực, thúc đẩy tăng trưởng kinh tế, hội nhập quốc tế	Phương án xử lý được đề xuất
13	Theo luật đất đai số 31/2024/QH15, điểm q, khoản 1, điều 133 quy định về các trường hợp phải thực hiện đăng ký biến động đất đai, cụ thể: “q) Thay đổi quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất do chia, tách, hợp nhất, sáp nhập, chuyển đổi mô hình tổ chức hoặc sự thỏa thuận của các thành viên hộ gia đình hoặc của vợ và chồng hoặc của nhóm người sử dụng đất chung, nhóm chủ sở hữu tài sản chung gắn liền với đất	Hiện nay UBND thành phố Hải Phòng đang chỉ đạo các Sở ngành liên quan (Sở TNMT, Tài chính, Xây dựng, Công thương) đánh giá, kiểm tra về sự phù hợp của quy hoạch sử dụng đất, kế hoạch sử dụng đất, mục đích sử dụng đất, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, chuyển đổi đối tượng thực hiện nghĩa vụ tài chính... để hướng dẫn Công ty Xăng dầu Khu vực III (CTXD KVIII). Ngoài ra, hiện nay chưa có quy định cụ thể về cơ chế, quy trình thực hiện/chuyển giao về tài sản trên đất và đất giữa 02 đơn vị là công ty con do Tập đoàn sở hữu 100% vốn hoặc giữa công ty con 100% vốn của Tập đoàn với Tập đoàn.	B. Hướng dẫn áp dụng văn bản quy phạm pháp luật theo quy định tại Điều 61 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2025.

STT	Điều, khoản, điểm, tên văn bản đề xuất xử lý	Nội dung quy định được phản ánh tạo gánh nặng chi phí tuân thủ; chưa có quy định hoặc có quy định của văn bản quy phạm pháp luật nhưng hạn chế việc đổi mới sáng tạo, phát triển động lực tăng trưởng mới, khơi thông nguồn lực, thúc đẩy tăng trưởng kinh tế, hội nhập quốc tế	Phương án xử lý được đề xuất
14	Khoản 1 và khoản 2 Điều 35 Nghị định 83/2014/NĐ-CP ngày 3/9/2014 của Chính phủ về kinh doanh xăng dầu: “Điều 35. Xuất khẩu, tạm nhập tái xuất, chuyển khẩu gia công xuất khẩu xăng dầu và nguyên liệu: 1. Chỉ có thương nhân đầu mối được xuất khẩu xăng dầu và nguyên liệu. 2. Chỉ có thương nhân có Giấy phép kinh doanh xuất khẩu, nhập khẩu xăng dầu được tạm nhập tái xuất, chuyển khẩu xăng dầu và nguyên liệu.” Khoản 5 Điều 1 Nghị định 95/2021/NĐ-CP ngày 01/11/2021 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 83/2014/NĐ-CP ngày 03 tháng 9 năm 2014 về kinh doanh xăng dầu: “Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 83/2014/NĐ-CP ngày 03 tháng 9 năm 2014 của Chính phủ về kinh doanh xăng dầu	Theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Công ty mẹ – Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam (Petrolimex) và các Công ty Xăng dầu thành viên có 100% vốn điều lệ do Tập đoàn sở hữu là những pháp nhân độc lập, có tư cách pháp lý riêng biệt. Tuy nhiên trong thực tiễn triển khai hoạt động kinh doanh xăng dầu, điều kiện để Petrolimex được cấp Giấy xác nhận đủ điều kiện làm Thương nhân đầu mối kinh doanh xăng dầu bao gồm cả năng lực về hạ tầng kỹ thuật – cơ sở vật chất hiện đang nằm tại các Công ty thành viên, như: hệ thống kho bể chứa, cảng biển, phương tiện vận tải, hệ thống phân phối bán lẻ... Giấy xác nhận đủ điều kiện làm Thương nhân đầu mối kinh doanh xăng dầu chỉ được cấp cho pháp nhân Công ty mẹ nên các Công ty xăng dầu thành viên không đủ tư cách pháp lý để thực hiện trực tiếp bán TNTX, xuất khẩu xăng dầu. Điều này tạo ra sự hạn chế trong việc tận dụng hiệu quả nguồn lực nội bộ của hệ thống doanh nghiệp Petrolimex, làm giảm tính linh hoạt trong điều hành hoạt động kinh doanh xăng dầu, đặc biệt trong bối cảnh thị trường kinh doanh quốc tế ngày càng cạnh tranh và yêu cầu tốc độ phản ứng thị trường cao.	C. Trên cơ sở các phân tích ở trên, Tập đoàn Xăng dầu Việt nam kiến nghị Cơ quan quản lý nhà nước nghiên cứu điều chỉnh cơ chế quản lý theo hướng linh hoạt và phù hợp hơn với thực tiễn, cụ thể là đề xuất cấp Giấy xác nhận đủ điều kiện làm thương nhân đầu mối kinh doanh xăng dầu ở cấp độ "tập đoàn/hệ thống", thay vì giới hạn ở pháp nhân Công ty mẹ. Theo đó, Công ty mẹ – với vai trò là đầu mối chịu trách nhiệm chung – có thể thực hiện việc ủy quyền theo đúng quy định của pháp luật cho các Công ty xăng dầu thành viên trực thuộc (các công ty con do Tập đoàn sở hữu 100%) để thực hiện hoạt động bán hàng TNTX, xuất khẩu. Cơ chế này không chỉ đảm bảo tuân thủ khung pháp lý hiện hành thông qua mô hình ủy quyền nội bộ, mà còn nâng cao hiệu quả vận hành thực tiễn, tăng cường năng lực cạnh tranh của doanh nghiệp, đồng thời thúc đẩy hiệu quả vận hành theo chuỗi, đóng góp tích cực vào phát triển kinh tế đất nước trong bối cảnh hội nhập sâu rộng với thị trường quốc tế.
	5. Đổi tên thương nhân kinh doanh xuất khẩu, nhập khẩu xăng dầu quy định tại Nghị định số 83/2014/NĐ-CP thành thương nhân đầu mối kinh doanh xăng dầu. Đổi tên Giấy phép kinh doanh xuất khẩu, nhập khẩu xăng dầu thành Giấy xác nhận đủ điều kiện làm thương nhân đầu mối kinh doanh xăng dầu. Sửa đổi Mẫu số 1, Mẫu số 2, Mẫu số 3, bổ sung Mẫu số 3a, Mẫu số 4a tại Phụ lục của NĐ số 83/2014/NĐ-CP	Trong hoạt động TNTX xăng dầu có một thực tiễn khách quan là: có phân khúc khách hàng với đặc thù không ký hợp đồng dài hạn từ trước, chỉ phát sinh nhu cầu theo lô đơn lẻ và yêu cầu giao ngay cần phải xử lý giao dịch nhanh và tức thời – điển hình trường hợp như tàu biển nước ngoài cập cảng Việt Nam, tàu biển Việt Nam chạy tuyến quốc tế, khách hàng trong khu chế xuất, doanh nghiệp chế xuất... Nhóm khách hàng này dù khối lượng mua không lớn nhưng giúp tận dụng tối đa mạng lưới kinh doanh toàn quốc Petrolimex, đồng thời góp phần hoàn thành nhiệm vụ chính trị: bám biển, hấp dẫn đầu tư của Chính phủ cho các Khu chế xuất, Doanh nghiệp chế xuất. Nếu không đáp ứng kịp thời, thậm chí các khách hàng mua nhiên liệu tàu biển sẽ di chuyển mua hàng từ các thị trường khác như Singapore, Đài Loan...	

STT	Điều, khoản, điểm, tên văn bản đề xuất xử lý	Nội dung quy định được phản ánh tạo gánh nặng chi phí tuân thủ; chưa có quy định hoặc có quy định của văn bản quy phạm pháp luật nhưng hạn chế việc đổi mới sáng tạo, phát triển động lực tăng trưởng mới, khơi thông nguồn lực, thúc đẩy tăng trưởng kinh tế, hội nhập quốc tế	Phương án xử lý được đề xuất
15	Khoản 31 Điều 1 Luật Xây dựng sửa đổi 2020 quy định điều kiện cấp giấy phép xây dựng đối với công trình trong đô thị.	Theo quy định dù đã được phê duyệt quy hoạch chi tiết 1/500 (đầy đủ các thông số, thông tin) nhưng vẫn phải xin cấp phép xây dựng làm cho các thủ tục bị rườm rà, chậm tiến độ triển khai dự án.	C. Sửa đổi, bổ sung, thay thế, ban hành mới văn bản quy phạm pháp luật (theo đúng trình tự, thủ tục rút gọn ban hành văn bản quy phạm pháp luật của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2025
16	Chỉ tiêu kỹ thuật về hàm lượng ôxy đối với mặt hàng Xăng E10 RON 95-III tại QCVN 01:2022	Chỉ tiêu “Hàm lượng ôxy, max 3,7% khối lượng”: Petrolimex đã tổ chức pha thử nghiệm Xăng E10 ở mức độ quy mô phòng thử nghiệm đối với các nguồn xăng khoáng từ trong nước (không phát hiện Oxy) và từ các nước trong khu vực Đông Nam Á (hàm lượng Oxy $\sim 1 \div 1.5 \%$). Đối chiếu theo Quy định hiện hành (QCVN 01:2022/BKHCN) quy định chỉ tiêu “Hàm lượng oxy” của Xăng E10 quy định ở mức “max 3,7% khối lượng”, các kết quả pha chế thử nghiệm cho thấy: - Nếu pha chế với tỷ lệ pha chế 10% thể tích etanol nguyên chất thì Xăng E10 thành phẩm từ các nguồn trên đều có kết quả chỉ tiêu “Hàm lượng oxy” vượt giới hạn cho phép tại QCVN. - Nếu pha chế với tỷ lệ pha chế 9,5 % thể tích etanol nguyên chất thì Xăng E10 thành phẩm từ xăng nền các nguồn trong nước có thể đáp ứng được (nhưng tiệm cận mức giới hạn cho phép, gây rủi ro trong quá trình giao nhận, lưu thông hàng hóa ngoài thị trường), các mẫu xăng E10 từ xăng nền nguồn nhập khẩu tại các nước trong khu vực đều không đạt. - Hiện nay, sản lượng nhập khẩu xăng dầu của Petrolimex vẫn chiếm ở mức 35-40%. Nếu duy trì các yêu cầu kỹ thuật của xăng E10 như hiện hành (chỉ tiêu “Hàm lượng oxy” của Xăng E10 quy định ở mức “max 3,7% khối lượng”) thì sẽ gây ra rất nhiều khó khăn cho Petrolimex trong việc tìm kiếm nguồn xăng nền phù hợp, chi phí nhập tạo nguồn sẽ tăng cao.	C. Đề nghị điều chỉnh bằng tổng của mức đang áp dụng của mặt hàng Xăng khoáng cộng với hàm lượng tăng thêm do pha Ethanol cho phù hợp với các nguồn cung trong nước và khu vực
17	ASTM 3244	Xăng dầu lưu thông trên thị trường nội địa phù hợp với QCVN (nếu có), TCCS tương ứng hiện hành. Tuy nhiên, có một số chỉ tiêu chất lượng ở mức tiệm cận với giá trị tối đa/tối thiểu cho phép cho nên cần phải xây dựng phương pháp, chuẩn mực để xử lý kết quả thử nghiệm để xác định sự phù hợp với yêu cầu kỹ thuật áp dụng trong giao nhận thương mại và tại các chương trình kiểm tra chất lượng nhà nước	C. Xây dựng phương pháp, chuẩn mực đánh giá sự phù hợp của kết quả thử nghiệm theo các Tiêu chuẩn hiện hành (theo tiêu chuẩn ASTM 3244).

STT	Điều, khoản, điểm, tên văn bản đề xuất xử lý	Nội dung quy định được phản ánh tạo gánh nặng chi phí tuân thủ; chưa có quy định hoặc có quy định của văn bản quy phạm pháp luật nhưng hạn chế việc đổi mới sáng tạo, phát triển động lực tăng trưởng mới, khơi thông nguồn lực, thúc đẩy tăng trưởng kinh tế, hội nhập quốc tế	Phương án xử lý được đề xuất
18	Thông tư số 06/2025/TT-BKHCN ngày 04/06/2025	Chưa có hướng dẫn cụ thể đối với việc phê duyệt mẫu cột đo xăng dầu sau khi có Thông tư số 06/2025/TT-BKHCN ngày 04/06/2025 đối với các cột đo xăng dầu có kết nối với hệ thống máy tính thu nhận dữ liệu cột bơm phục vụ xuất hóa đơn sau từng lần bán	C. Có hướng dẫn cụ thể đối với việc phê duyệt mẫu cột đo xăng dầu sau khi có Thông tư số 06/2025/TT-BKHCN ngày 04/06/2025 đối với các cột đo xăng dầu có kết nối với hệ thống máy tính thu nhận dữ liệu cột bơm phục vụ xuất hóa đơn sau từng lần bán.
19	Điều 8, Điều 10 Thông tư 01/2024/TT-BKHCN ngày	Tại mục 3 Điều 8 đang nêu “Kết quả thử nghiệm chất lượng hàng hóa tại tổ chức thử nghiệm được chỉ định theo quy định pháp luật là căn cứ pháp lý để cơ quan kiểm tra xử lý tiếp theo quy định” dẫn đến cơ sở được kiểm tra không được khiếu nại về kết quả thử nghiệm trong khi phép thử có sai số, độ tái lập, độ lặp lại khác nhau	C. Bổ sung nội dung đoàn kiểm tra gửi đi thử nghiệm mà không đạt yêu cầu theo QCVN và TCCS hiện hành thì cho phép cơ sở được kiểm tra được phép gửi mẫu lưu đến tổ chức thử nghiệm được chỉ định sau khi được đoàn kiểm tra thống nhất. Kết quả thử nghiệm mẫu lưu sẽ là kết quả cuối cùng để làm cơ sở kết luận của đoàn kiểm tra
20	Quy định tại điều 12, điều 13, điều 15 chương III của Thông tư 28/2012/TT-BKHCN	Phát sinh thủ tục hành chính để thực hiện tiếp nhận hợp quy	C. Bỏ thủ tục “ tiếp nhận công bố hợp quy” đang quy định tại Điều 12, Điều 13, Điều 15 chương III của Thông tư 28/2012/TT- BKHCN để giảm thiểu các thủ tục hành chính.
21	Nhiên liệu hàng không bền vững (SAF)	Đối với các mặt hàng nhiên liệu mới như nhiên liệu hàng không bền vững (SAF) cần rà soát chỉnh sửa bổ sung quy định pháp luật hiện hành để đảm bảo tính pháp lý trong việc pha chế nhiên liệu hàng không bền vững (SAF).	C. rà soát, chỉnh sửa bổ sung quy định pháp luật hiện hành để đảm bảo tính pháp lý trong việc pha chế nhiên liệu hàng không bền vững (SAF).
		Quy định thương nhân phải lập sổ theo dõi hoặc cơ sở dữ liệu điện tử ứng dụng công nghệ thông tin theo dõi LPG chai bán cho thương nhân kinh doanh LPG khác hoặc khách hàng sử dụng. Trong sổ theo dõi hoặc cơ sở dữ liệu điện tử phải có các thông tin sau về chai LPG chai: Chủ sở hữu, loại chai, số sê ri chai, hạn kiểm định trên chai, tên và địa chỉ thương nhân mua LPG chai, khách hàng sử dụng, ngày giao nhận chai. Quy định này không có hiệu quả về quản lý chai LPG của doanh nghiệp cũng như của cơ quan quản lý, gây tốn kém rất nhiều chi phí, thời gian cho doanh nghiệp. Nếu ghi chép sổ sách thủ công sẽ phát sinh thêm lao động để thực hiện ghi chép, trường hợp áp dụng dữ liệu điện tử thì chi phí đầu tư rất lớn lên tới hàng chục tỷ đồng, gây gánh nặng về tuân thủ quy định pháp luật cho doanh nghiệp.	

STT	Điều, khoản, điểm, tên văn bản đề xuất xử lý	Nội dung quy định được phản ánh tạo gánh nặng chi phí tuân thủ; chưa có quy định hoặc có quy định của văn bản quy phạm pháp luật nhưng hạn chế việc đổi mới sáng tạo, phát triển động lực tăng trưởng mới, khơi thông nguồn lực, thúc đẩy tăng trưởng kinh tế, hội nhập quốc tế	Phương án xử lý được đề xuất
22	Khoản 19, Điều 20; Khoản 5, Điều 22; Khoản 9, Điều 23; Khoản 12, Điều 32 tại Nghị định Chính phủ số 87/2018/NĐ-CP ngày 15/06/2018 về kinh doanh khí	Trong khi đó, việc truy tìm vỏ chai LPG dựa trên ghi chép hoặc cơ sở dữ liệu đã quét không có ý nghĩa trong công tác quản lý theo dõi khi tìm vị trí chai LPG, không truy tìm được từ khách hàng khi bị đổi chai LPG của hãng khác. Việc cập nhật cơ sở dữ liệu vỏ chai LPG, quy định bắt buộc các doanh nghiệp đầu tư việc ghi chép hay quét dữ liệu điện tử vỏ chai LPG hoàn toàn không có ý nghĩa khi muốn quản lý, định vị chai hay truy xuất nguồn gốc chai LPG đang lưu thông. Đối với thành phẩm chai LPG đã nạp LPG lưu thông trên thị trường thì việc quản lý truy xuất nguồn gốc rất dễ vì đã có sẵn thông tin dập trên vỏ chai, tem nhãn hàng hóa thương mại và các giải pháp đồng bộ về màng co, tem chống giả được dán trên van chai. Các vi phạm pháp luật trong kinh doanh khí LPG chủ yếu là các vụ việc: chiếm dụng chai LPG của các hãng khác để đóng nạp làm hàng giả, cắt quai, mài logo thay thế bằng chai LPG của thương hiệu khác, sang chiết nạp LPG vào chai không đủ điều kiện... Khi xảy ra một vụ việc vi phạm pháp luật nói trên thì các thông tin cần truy xuất nguồn gốc về chai LPG đã được dập, có sẵn trên vỏ chai khi quai được giữ nguyên. Còn trong trường hợp các đối tượng cắt quai nhằm xóa thông tin đã dập trên quai thì cũng tương tự giống như cắt bỏ con chip điện tử hay xóa mã hiệu in phun trên vỏ chai. Như vậy các giải pháp ghi chép, dữ liệu điện tử hoàn toàn không có ý nghĩa truy xuất nguồn gốc hay quản lý vỏ chai khi xử lý vụ việc phát sinh. Do vậy chúng tôi kiến nghị bỏ quy định này.	Đề xuất phương án C

STT	Điều, khoản, điểm, tên văn bản đề xuất xử lý	Nội dung quy định được phản ánh tạo gánh nặng chi phí tuân thủ; chưa có quy định hoặc có quy định của văn bản quy phạm pháp luật nhưng hạn chế việc đổi mới sáng tạo, phát triển động lực tăng trưởng mới, khơi thông nguồn lực, thúc đẩy tăng trưởng kinh tế, hội nhập quốc tế	Phương án xử lý được đề xuất
23	Điều 10, Điều 39, Nghị định Chính phủ số 87/2018/NĐ-CP ngày 15/06/2018 về kinh doanh khí	Khoản 3, Điều 10, Khoản 3, Điều 39 quy định cửa hàng có tài liệu chứng minh đủ điều kiện phòng cháy chữa cháy là sẽ được cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện cửa hàng bán lẻ LPG chai. Tuy nhiên, thực tế thực hiện tại nhiều địa phương hiện nay, bên cạnh tài liệu về phòng cháy chữa cháy, các cơ quan chức năng ở địa phương lại yêu cầu các tài liệu nằm ngoài quy định hoặc lập đoàn kiểm tra với nhiều thành phần để kiểm tra cửa hàng trước khi cấp Giấy đủ điều kiện kinh doanh gas, điều này khiến thời gian cấp giấy kéo dài và gây phát sinh chi phí cho doanh nghiệp. Do vậy, chúng tôi kiến nghị của hàng thương nhân chỉ cần cung cấp đầy đủ hồ sơ theo quy định tại Điều 10, Điều 39 của Nghị định số 87/2018/NĐ-CP về kinh doanh khí là được cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện cửa hàng bán lẻ LPG chai.	Đề xuất phương án C
24	Điểm c, Khoản 2, Điều 12, Thông tư số 18/2013/TT-BCT ngày 31/07/2013 của Bộ Công Thương ban hành Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về an toàn chai chứa khí dầu mỏ hoá lỏng bằng thép	Quy định loại bỏ các chai chứa LPG được sử dụng trên 26 năm kể từ ngày sản xuất. Tuy nhiên, thực tế hiện nay, nhiều chai chứa LPG có thời hạn sử dụng 26 năm kể từ ngày sản xuất vẫn có chất lượng rất tốt, các chai chứa LPG này vẫn đảm bảo quy định về an toàn bởi được kiểm định định kỳ 2 năm một lần. Vì vậy, việc loại bỏ, không cho lưu hành các chai chứa LPG có thời hạn 26 năm sẽ gây lãng phí nguồn lực của doanh nghiệp. Do vậy, chúng tôi kiến nghị cho lưu hành chai chứa LPG cho tới khi chai không đạt yêu cầu khi kiểm định thì mới bị loại bỏ. Các doanh nghiệp phải đảm bảo thực hiện kiểm định chai chứa định kỳ 2 năm một lần đối với chai có thời hạn sử dụng từ 20 năm trở lên theo quy định tại Khoản 2, Điều 11 của Thông tư.	Đề xuất phương án C

STT	Điều, khoản, điểm, tên văn bản đề xuất xử lý	Nội dung quy định được phản ánh tạo gánh nặng chi phí tuân thủ; chưa có quy định hoặc có quy định của văn bản quy phạm pháp luật nhưng hạn chế việc đổi mới sáng tạo, phát triển động lực tăng trưởng mới, khơi thông nguồn lực, thúc đẩy tăng trưởng kinh tế, hội nhập quốc tế	Phương án xử lý được đề xuất
25	- Theo Điều 54 Luật bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14 ngày 17/11/2020 của Quốc hội quy định “Trách nhiệm tái chế của tổ chức, cá nhân sản xuất, nhập khẩu: 1. Tổ chức, cá nhân sản xuất, nhập khẩu sản phẩm, bao bì có giá trị tái chế phải thực hiện tái chế theo tỷ lệ và quy cách tái chế bắt buộc, trừ các sản phẩm, bao bì xuất khẩu hoặc tạm nhập, tái xuất hoặc sản xuất, nhập khẩu cho mục đích nghiên cứu, học tập, thử nghiệm. 2. Tổ chức, cá nhân quy định tại khoản 1 Điều này được lựa chọn thực hiện tái chế sản phẩm, bao bì theo một trong các hình thức sau đây: a) Tổ chức tái chế sản phẩm, bao bì; b) Đóng góp tài chính vào Quỹ Bảo vệ môi trường Việt Nam để hỗ trợ tái chế sản phẩm, bao bì.” - Theo Điều 71 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ vv Quy định “Đối tượng, lộ trình thực hiện trách nhiệm tái chế:	- Tổng công ty PLC là tổ chức sản xuất, nhập khẩu mặt hàng dầu nhớt động cơ để bán ra trong nước phải thực hiện trách nhiệm tái chế theo tỷ lệ và quy cách tái chế bắt buộc từ ngày 01/01/2024. - Căn cứ tình hình thực tế, Tổng công ty PLC lựa chọn thực hiện trách nhiệm tái chế theo hình thức đóng góp tài chính vào Quỹ Bảo vệ Môi trường Việt Nam để hỗ trợ tái chế sản phẩm, bao bì. - Định mức chi phí tái chế Fs của Dầu mỡ nhờn động cơ ban hành theo Thông tư 07/2025/TT-BTNMT ngày 28/2/2025 là 8.568 đồng/kg. - Đối với Chi phí tái chế bằng hình thức đóng góp tài chính vào Quỹ Bảo vệ Môi trường Việt Nam năm 2024: - Tổng chi phí tái chế Tổng công ty PLC đã nộp vào Quỹ Bảo vệ môi trường Việt Nam của năm 2024 là gần 20 tỷ đồng. Chi phí tái chế năm 2024 Tổng công ty hạch toán vào chi phí được trừ khi tính thuế TNDN căn cứ theo sản lượng DMN động cơ mà Tổng công ty thực tế xuất bán cho khách hàng trong năm 2024, đảm bảo nguyên tắc chi phí tương ứng với doanh thu tính thuế của Tổng công ty.	B. Hướng dẫn áp dụng văn bản quy phạm pháp luật theo quy định tại Điều 61 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2025. Đề xuất cụ thể: - Quỹ Bảo vệ môi trường Việt Nam là Quỹ Bảo vệ môi trường quốc gia, là tổ chức tài chính nhà nước trực thuộc Bộ Nông nghiệp và Môi trường (Bộ Tài nguyên và Môi trường trước đây), được thành lập theo quyết định số 82/2002/QĐ-TTg ngày 26/6/2002 của Thủ tướng Chính phủ, được tổ chức và hoạt động theo Quyết định số 78/2014/QĐ-TTg ngày 26 tháng 12 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ và theo quy định của pháp luật. - TCT PLC khẳng định chi phí tái chế sản phẩm, bao bì không phải là chi phí độc lập mà là một phần không thể tách rời của hoạt động sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp. Hình thức đóng góp tài chính vào Quỹ Bảo vệ môi trường Việt Nam để hỗ trợ tái chế là một trong hai hình thức thực hiện trách nhiệm tái chế mà nhà sản xuất, nhập khẩu được lựa chọn theo quy định tại Luật số 72/2020/QH14 của Quốc hội. Việc thực hiện trách nhiệm tái chế bằng hình thức đóng góp tài chính vào Quỹ bảo vệ môi trường Việt Nam được xác

STT	Điều, khoản, điểm, tên văn bản đề xuất xử lý	Nội dung quy định được phản ánh tạo gánh nặng chi phí tuân thủ; chưa có quy định hoặc có quy định của văn bản quy phạm pháp luật nhưng hạn chế việc đổi mới sáng tạo, phát triển động lực tăng trưởng mới, khơi thông nguồn lực, thúc đẩy tăng trưởng kinh tế, hội nhập quốc tế	Phương án xử lý được đề xuất
26	1. Tổ chức, cá nhân sản xuất, nhập khẩu (sau đây gọi chung là nhà sản xuất, nhập khẩu) các sản phẩm, bao bì quy định tại Cột 3 Phụ lục XXII ban hành kèm theo Nghị định này để đưa ra thị trường Việt Nam phải thực hiện trách nhiệm tái chế sản phẩm, bao bì đó theo tỷ lệ, quy cách tái chế bắt buộc quy định tại Điều 78 Nghị định này. 4. Nhà sản xuất, nhập khẩu thực hiện trách nhiệm tái chế các sản phẩm, bao bì do mình sản xuất, nhập khẩu theo lộ trình sau đây: - a) Bao bì và các sản phẩm ắc quy, pin; dầu nhớt; sẫm lớp: từ ngày 01 tháng 01 năm 2024.” - Theo Điều 81 Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính phủ: Quy định “Đóng góp tài chính vào Quỹ bảo vệ môi trường Việt Nam:	- Theo Công văn số 1581/CT-CS ngày 5/6/2025 của Cục thuế trả lời Chi cục thuế DNL: “trường hợp doanh nghiệp đóng góp tài chính vào Quỹ bảo vệ môi trường Việt Nam để hỗ trợ tái chế sản phẩm, bao bì, khoản chi này không liên quan đến hoạt động SXKD của doanh nghiệp thì không được tính vào chi phí được trừ khi tính thuế TNDN theo quy định của pháp luật thuế hiện hành.” Như vậy theo văn bản này, chi phí đóng góp tài chính vào Quỹ bảo vệ môi trường Việt Nam năm 2024 để hỗ trợ tái chế sản phẩm, bao bì của TCT PLC là chi phí không được trừ khi tính thuế TNDN, TCT PLC bị rủi ro phải nộp thêm thuế TNDN cho năm 2024 khoảng gần 4 tỷ đồng. - Đối với Chi phí tái chế bằng hình thức đóng góp tài chính vào Quỹ Bảo vệ Môi trường Việt Nam từ năm 2025: Luật thuế TNDN năm 2025 vừa ban hành có quy định chi phí được trừ bao gồm “Một số khoản đóng góp vào các quỹ được thành lập theo quyết định của Thủ tướng Chính phủ và quy định của Chính phủ.” Như vậy theo Luật thuế TNDN năm 2025 khoản chi phí tái chế bằng hình thức đóng góp vào Quỹ bảo vệ môi trường Việt Nam là chi phí được trừ khi xác định thuế TNDN của doanh nghiệp	định dựa trên định mức chi phí tái chế (Fs) do Bộ Nông nghiệp và Môi trường ban hành, bao gồm các khoản chi phí cho hoạt động phân loại, thu gom, vận chuyển và tái chế sản phẩm, bao bì, cùng với chi phí quản lý hành chính liên quan; khối lượng sản phẩm, bao bì sản xuất, nhập khẩu được đưa ra thị trường trong năm. - Nhà nước nhận thấy việc đóng góp tài chính vào Quỹ bảo vệ môi trường Việt Nam để hỗ trợ tái chế sản phẩm, bao bì có liên quan đến hoạt động SXKD của doanh nghiệp nên đã bổ sung nội dung này là chi phí được trừ trong Luật thuế TNDN sửa đổi của năm 2025. TCT PLC kính đề nghị các cơ quan chức năng xem xét việc đóng góp tài chính vào Quỹ bảo vệ môi trường Việt Nam (đóng tiền trong năm 2025 trên cơ sở sản lượng xuất bán DMN thực tế của năm 2024) để hỗ trợ tái chế sản phẩm, bao bì có liên quan đến hoạt động SXKD của doanh nghiệp nên được tính vào chi phí được trừ khi tính thuế TNDN năm 2024.

STT	Điều, khoản, điểm, tên văn bản đề xuất xử lý	Nội dung quy định được phản ánh tạo gánh nặng chi phí tuân thủ; chưa có quy định hoặc có quy định của văn bản quy phạm pháp luật nhưng hạn chế việc đổi mới sáng tạo, phát triển động lực tăng trưởng mới, khơi thông nguồn lực, thúc đẩy tăng trưởng kinh tế, hội nhập quốc tế	Phương án xử lý được đề xuất
27	1. Đóng góp tài chính vào Quỹ Bảo vệ môi trường Việt Nam của từng loại sản phẩm, bao bì (F) được xác định theo công thức: $F = R \times V \times Fs$, trong đó: F: Số tiền mà nhà sản xuất, nhập khẩu phải đóng cho Quỹ Bảo vệ môi trường Việt Nam R: tỷ lệ tái chế bắt buộc (đối với dầu nhờn động cơ là 15%) V: khối lượng sản phẩm, bao bì sản xuất, nhập khẩu được đưa ra thị trường trong năm có trách nhiệm tái chế sản phẩm, bao bì (đơn vị tính: Kg) Fs: định mức chi phí tái chế. 2. Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường ban hành Fs cho từng sản phẩm, bao bì. Fs được điều chỉnh theo chu kỳ 03 năm một lần.	- Theo Công văn số 1581/CT-CS ngày 5/6/2025 của Cục thuế trả lời Chi cục thuế DNL: “trường hợp doanh nghiệp đóng góp tài chính vào Quỹ bảo vệ môi trường Việt Nam để hỗ trợ tái chế sản phẩm, bao bì, khoản chi này không liên quan đến hoạt động SXKD của doanh nghiệp thì không được tính vào chi phí được trừ khi tính thuế TNDN theo quy định của pháp luật thuế hiện hành.” Như vậy theo văn bản này, chi phí đóng góp tài chính vào Quỹ bảo vệ môi trường Việt Nam năm 2024 để hỗ trợ tái chế sản phẩm, bao bì của TCT PLC là chi phí không được trừ khi tính thuế TNDN, TCT PLC bị rủi ro phải nộp thêm thuế TNDN cho năm 2024 khoảng gần 4 tỷ đồng. - Đối với Chi phí tái chế bằng hình thức đóng góp tài chính vào Quỹ Bảo vệ Môi trường Việt Nam từ năm 2025: Luật thuế TNDN năm 2025 vừa ban hành có quy định chi phí được trừ bao gồm “Một số khoản đóng góp vào các quỹ được thành lập theo quyết định của Thủ tướng Chính phủ và quy định của Chính phủ.” Như vậy theo Luật thuế TNDN năm 2025 khoản chi phí tái chế bằng hình thức đóng góp vào Quỹ bảo vệ môi trường Việt Nam là chi phí được trừ khi xác định thuế TNDN của doanh nghiệp	B. Hướng dẫn áp dụng văn bản quy phạm pháp luật theo quy định tại Điều 61 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2025. Đề xuất cụ thể: - Quỹ Bảo vệ môi trường Việt Nam là Quỹ Bảo vệ môi trường quốc gia, là tổ chức tài chính nhà nước trực thuộc Bộ Nông nghiệp và Môi trường (Bộ Tài nguyên và Môi trường trước đây), được thành lập theo quyết định số 82/2002/QĐ-TTg ngày 26/6/2002 của Thủ tướng Chính phủ, được tổ chức và hoạt động theo quy định của pháp luật về quỹ đầu tư và tài trợ.

STT	Điều, khoản, điểm, tên văn bản đề xuất xử lý	Nội dung quy định được phản ánh tạo gánh nặng chi phí tuân thủ; chưa có quy định hoặc có quy định của văn bản quy phạm pháp luật nhưng hạn chế việc đổi mới sáng tạo, phát triển động lực tăng trưởng mới, khơi thông nguồn lực, thúc đẩy tăng trưởng kinh tế, hội nhập quốc tế	Phương án xử lý được đề xuất
28	3a. Nhà sản xuất, nhập khẩu tự kê khai và gửi về Bộ Tài nguyên và Môi trường trước ngày 31 tháng 3 hằng năm bản kê khai số tiền đóng góp tài chính đối với sản phẩm, bao bì sản xuất, nhập khẩu được đưa ra thị trường của năm liền trước theo mẫu do Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định. Nhà sản xuất, nhập khẩu chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác của thông tin trong bản kê khai. 3b. Trước ngày 20 tháng 4 hằng năm, nhà sản xuất, nhập khẩu nộp đủ tiền đóng góp tài chính hỗ trợ tái chế sản phẩm, bao bì đã kê khai quy định tại điểm a khoản này vào Quỹ Bảo vệ môi trường Việt Nam.”.	- Theo Công văn số 1581/CT-CS ngày 5/6/2025 của Cục thuế trả lời Chi cục thuế DNL: “trường hợp doanh nghiệp đóng góp tài chính vào Quỹ bảo vệ môi trường Việt Nam để hỗ trợ tái chế sản phẩm, bao bì, khoản chi này không liên quan đến hoạt động SXKD của doanh nghiệp thì không được tính vào chi phí được trừ khi tính thuế TNDN theo quy định của pháp luật thuế hiện hành.” Như vậy theo văn bản này, chi phí đóng góp tài chính vào Quỹ bảo vệ môi trường Việt Nam năm 2024 để hỗ trợ tái chế sản phẩm, bao bì của TCT PLC là chi phí không được trừ khi tính thuế TNDN, TCT PLC bị rủi ro phải nộp thêm thuế TNDN cho năm 2024 khoảng gần 4 tỷ đồng. - Đối với Chi phí tái chế bằng hình thức đóng góp tài chính vào Quỹ Bảo vệ Môi trường Việt Nam từ năm 2025: Luật thuế TNDN năm 2025 vừa ban hành có quy định chi phí được trừ bao gồm “Một số khoản đóng góp vào các quỹ được thành lập theo quyết định của Thủ tướng Chính phủ và quy định của Chính phủ.” Như vậy theo Luật thuế TNDN năm 2025 khoản chi phí tái chế bằng hình thức đóng góp vào Quỹ bảo vệ môi trường Việt Nam là chi phí được trừ khi xác định thuế TNDN của doanh nghiệp	và hoạt động theo Quyết định số 78/2014/QĐ-TTg ngày 26 tháng 12 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ và theo quy định của pháp luật. - TCT PLC khẳng định chi phí tái chế sản phẩm, bao bì không phải là chi phí độc lập mà là một phần không thể tách rời của hoạt động sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp. Hình thức đóng góp tài chính vào Quỹ Bảo vệ môi trường Việt Nam để hỗ trợ tái chế là một trong hai hình thức thực hiện trách nhiệm tái chế mà nhà sản xuất, nhập khẩu được lựa chọn theo quy định tại Luật số 72/2020/QH14 của Quốc hội. Việc thực hiện trách nhiệm tái chế bằng hình thức đóng góp tài chính vào Quỹ bảo vệ môi trường Việt Nam được xác định dựa trên định mức chi phí tái chế (Fs) do Bộ Nông nghiệp và Môi trường ban hành, bao gồm các khoản chi phí cho hoạt động phân loại, thu gom, vận chuyển và tái chế sản phẩm, bao bì, cùng với chi phí quản lý hành chính liên quan; khối lượng sản phẩm, bao bì sản xuất, nhập khẩu được đưa ra thị trường trong năm. Nhà nước nhận thấy việc đóng góp tài chính vào Quỹ bảo

STT	Điều, khoản, điểm, tên văn bản đề xuất xử lý	Nội dung quy định được phản ánh tạo gánh nặng chi phí tuân thủ; chưa có quy định hoặc có quy định của văn bản quy phạm pháp luật nhưng hạn chế việc đổi mới sáng tạo, phát triển động lực tăng trưởng mới, khơi thông nguồn lực, thúc đẩy tăng trưởng kinh tế, hội nhập quốc tế	Phương án xử lý được đề xuất
29	- Theo Công văn số 1581/CT-CS ngày 5/6/2025 của Cục thuế (trước đây là Tổng cục thuế) trả lời Chi cục thuế DNL: trường hợp doanh nghiệp đóng góp tài chính vào Quỹ bảo vệ môi trường Việt Nam để hỗ trợ tái chế sản phẩm, bao bì, khoản chi này không liên quan đến hoạt động SXKD của doanh nghiệp thì không được tính vào chi phí được trừ khi tính thuế TNDN theo quy định của pháp luật thuế hiện hành. - Theo Điều 9 Luật thuế TNDN số 67/2025/QH15 quy định Các khoản chi được trừ khi xác định thu nhập chịu thuế: b12) Một số khoản đóng góp vào các quỹ được thành lập theo quyết định của Thủ tướng Chính phủ và quy định của Chính phủ	- Theo Công văn số 1581/CT-CS ngày 5/6/2025 của Cục thuế trả lời Chi cục thuế DNL: “trường hợp doanh nghiệp đóng góp tài chính vào Quỹ bảo vệ môi trường Việt Nam để hỗ trợ tái chế sản phẩm, bao bì, khoản chi này không liên quan đến hoạt động SXKD của doanh nghiệp thì không được tính vào chi phí được trừ khi tính thuế TNDN theo quy định của pháp luật thuế hiện hành.” Như vậy theo văn bản này, chi phí đóng góp tài chính vào Quỹ bảo vệ môi trường Việt Nam năm 2024 để hỗ trợ tái chế sản phẩm, bao bì của TCT PLC là chi phí không được trừ khi tính thuế TNDN, TCT PLC bị rủi ro phải nộp thêm thuế TNDN cho năm 2024 khoảng gần 4 tỷ đồng. - Đối với Chi phí tái chế bằng hình thức đóng góp tài chính vào Quỹ Bảo vệ Môi trường Việt Nam từ năm 2025: Luật thuế TNDN năm 2025 vừa ban hành có quy định chi phí được trừ bao gồm “Một số khoản đóng góp vào các quỹ được thành lập theo quyết định của Thủ tướng Chính phủ và quy định của Chính phủ.” Như vậy theo Luật thuế TNDN năm 2025 khoản chi phí tái chế bằng hình thức đóng góp vào Quỹ bảo vệ môi trường Việt Nam là chi phí được trừ khi xác định thuế TNDN của doanh nghiệp	- Nhà nước nhận thay việc đóng góp tài chính vào Quỹ bảo vệ môi trường Việt Nam để hỗ trợ tái chế sản phẩm, bao bì có liên quan đến hoạt động SXKD của doanh nghiệp nên đã bổ sung nội dung này là chi phí được trừ trong Luật thuế TNDN sửa đổi của năm 2025. - TCT PLC kính đề nghị các cơ quan chức năng xem xét việc đóng góp tài chính vào Quỹ bảo vệ môi trường Việt Nam (đóng tiền trong năm 2025 trên cơ sở sản lượng xuất bán DMN thực tế của năm 2024) để hỗ trợ tái chế sản phẩm, bao bì có liên quan đến hoạt động SXKD của doanh nghiệp nên được tính vào chi phí được trừ khi tính thuế TNDN năm 2024.

**n pháp luật
quốc tế**

Bộ, ngành có trách nhiệm nghiên cứu, xử lý, tham mưu xử lý
(5)
Liên Bộ Tài chính – Nông nghiệp và Môi trường.
Liên Bộ Tài chính – Nông nghiệp và Môi trường.

Bộ, ngành có trách nhiệm nghiên cứu, xử lý, tham mưu xử lý
Bộ Tài chính
Bộ Tài chính
Bộ Tài chính

**Bộ, ngành có trách nhiệm
nghiên cứu, xử lý, tham
mưu xử lý**

Bộ Công thương

Quốc hội nước
XHCN Việt Nam

Bộ, ngành có trách nhiệm nghiên cứu, xử lý, tham mưu xử lý
Chính phủ
Ủy Ban thường vụ Quốc hội
Bộ Xây dựng

Bộ, ngành có trách nhiệm nghiên cứu, xử lý, tham mưu xử lý
Bộ nông nghiệp và môi trường
Bộ Khoa học & Công nghệ

**Bộ, ngành có trách nhiệm
nghiên cứu, xử lý, tham
mưu xử lý**

Tài chính – Nông nghiệp và Môi trường

**Bộ, ngành có trách nhiệm
nghiên cứu, xử lý, tham
mưu xử lý**

Bộ Công Thương

Bộ, ngành có trách nhiệm nghiên cứu, xử lý, tham mưu xử lý
Bộ Xây dựng
Bộ Khoa học và Công nghệ
Bộ Khoa học và Công nghệ

Bộ, ngành có trách nhiệm nghiên cứu, xử lý, tham mưu xử lý
Bộ Khoa học và Công nghệ
Bộ Khoa học và Công nghệ
Bộ Khoa học và Công nghệ
Bộ Khoa học và Công nghệ

**Bộ, ngành có trách nhiệm
nghiên cứu, xử lý, tham
mưu xử lý**

Bộ Công Thương

**Bộ, ngành có trách nhiệm
nghiên cứu, xử lý, tham
mưu xử lý**

Bộ Công Thương

Bộ Công Thương

**Bộ, ngành có trách nhiệm
nghiên cứu, xử lý, tham
mưu xử lý**

- Bộ Nông nghiệp
và Môi trường
- Bộ Tài chính

**Bộ, ngành có trách nhiệm
nghiên cứu, xử lý, tham
mưu xử lý**

- Bộ Nông nghiệp
và Môi trường
- Bộ Tài chính

**Bộ, ngành có trách nhiệm
nghiên cứu, xử lý, tham
mưu xử lý**

- Bộ Nông nghiệp
và Môi trường
- Bộ Tài chính

**Bộ, ngành có trách nhiệm
nghiên cứu, xử lý, tham
mưu xử lý**

- Bộ Nông nghiệp
và Môi trường
- Bộ Tài chính

**Bộ, ngành có trách nhiệm
nghiên cứu, xử lý, tham
mưu xử lý**

- Bộ Nông nghiệp
và Môi trường
- Bộ Tài chính